Ký bởi: Bộ Công Thương
Cơ quan: Bộ Công thương
Thời gian ký: 12.01.2021 15:40

BỘ CÔNG THƯƠNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 55 /2020/TT-BCT	*Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2020*

THÔNG TƯ

Quy định chế độ báo cáo của lực lượng Quản lý thị trường

Căn cứ Pháp lệnh Quản lý thị trường ngày 08 tháng 3 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 34/2018/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Quản lý thị trường trực thuộc Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định chế độ báo cáo của lực lượng Quản lý thị trường.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về chế độ báo cáo của lực lượng Quản lý thị trường và việc thực hiện chế độ báo cáo do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng Quản lý thị trường.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, đơn vị Quản lý thị trường các cấp.

2. Công chức Quản lý thị trường và công chức làm việc tại cơ quan, đơn vị Quản lý thị trường các cấp (sau đây gọi là công chức).

3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác báo cáo của lực lượng Quản lý thị trường.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Báo cáo định kỳ của lực lượng Quản lý thị trường là loại báo cáo được cơ quan, đơn vị Quản lý thị trường thực hiện để đáp ứng yêu cầu thông tin tổng hợp về tình hình hoạt động của lực lượng Quản lý thị trường và những biến động đáng chú ý về thị trường trong kỳ báo cáo, được thực hiện theo một chu kỳ xác định và lặp lại nhiều lần trong năm.

2. Báo cáo chuyên đề của lực lượng Quản lý thị trường là báo cáo được cơ quan, đơn vị Quản lý thị trường thực hiện để đáp ứng yêu cầu thông tin trọng tâm, trọng điểm, có tính chuyên sâu về một vấn đề liên quan đến tình hình hoạt động của lực lượng Quản lý thị trường và phải thực hiện một hoặc nhiều lần trong một khoảng thời gian nhất định.

3. Hệ thống báo cáo điện tử của lực lượng Quản lý thị trường (sau đây gọi là Hệ thống báo cáo điện tử) là hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin để cập nhật, truy cập, phân tích, khai thác, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu về tình hình hoạt động của lực lượng Quản lý thị trường.

4. Cơ sở dữ liệu của Hệ thống báo cáo điện tử (sau đây gọi là Cơ sở dữ liệu điện tử) là tập hợp các dữ liệu về tình hình hoạt động của lực lượng Quản lý thị trường được biên soạn, sắp xếp có hệ thống theo một phương pháp nhất định để có thể truy cập, cập nhật, khai thác, quản lý và sử dụng thông qua phương tiện điện tử.

5. Dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu điện tử là thông tin, dữ liệu được thể hiện dưới dạng bảng biểu, ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự.

6. Văn bản điện tử của Hệ thống báo cáo điện tử là văn bản được thể hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu.

Chương II
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO CỦA LỰC LƯỢNG QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG

Điều 4. Các loại báo cáo

1. Báo cáo định kỳ gồm:

a) Báo cáo định kỳ trong nội bộ lực lượng Quản lý thị trường: Báo cáo tuần; báo cáo tháng, báo cáo Quý I; báo cáo 6 tháng đầu năm; báo cáo Quý III; báo cáo năm;

b) Báo cáo định kỳ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành có nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng Quản lý thị trường.

2. Báo cáo chuyên đề do Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ quản lý thị trường, Cục trưởng Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh ban hành hoặc do cơ quan có thẩm quyền ban hành có nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng Quản lý thị trường.

Điều 5. Nội dung báo cáo

1. Nội dung báo cáo định kỳ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư này được thực hiện theo các mẫu báo cáo từ Phụ lục I đến Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Nội dung báo cáo định kỳ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Thông tư này thực hiện theo quy định của cơ quan ban hành chế độ báo cáo. Các đơn vị thuộc Tổng cục Quản lý thị trường căn cứ nội dung thông tin của báo cáo định kỳ quy định tại khoản 1 Điều này để thực hiện báo cáo, trừ những nội dung báo cáo nội bộ phải có sự cho phép của cơ quan Quản lý thị trường hoặc người có thẩm quyền quy định tại Phụ lục III, IV và V của Thông tư này.

3. Nội dung báo cáo chuyên đề do Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ quản lý thị trường, Cục trưởng Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền quyết định theo từng báo cáo chuyên đề cụ thể.

4. Đối với nội dung báo cáo là số liệu, bảng biểu và các nội dung yêu cầu báo cáo khác không thuộc khoản 1, 2 và 3 Điều này, Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường ban hành mẫu bảng biểu, yêu cầu về số liệu, nội dung yêu cầu báo cáo trên Hệ thống báo cáo điện tử căn cứ trên nhu cầu, tình hình thực tiễn.

5. Cơ quan, đơn vị Quản lý thị trường các cấp thực hiện việc cập nhật, khai thác, sử dụng và quản lý số liệu, bảng biểu trên Hệ thống báo cáo điện tử theo quy định tại Thông tư này và quyết định của Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường.

6. Hình thức, kỹ thuật, thể thức của văn bản báo cáo thể hiện dưới dạng văn bản điện tử phải đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

Điều 6. Cơ quan, đơn vị thực hiện báo cáo và cơ quan nhận báo cáo

1. Đối với báo cáo định kỳ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư này, cơ quan, đơn vị thực hiện báo cáo và cơ quan nhận báo cáo bao gồm:

a) Phòng Nghiệp vụ Quản lý thị trường thuộc Cục Nghiệp vụ Quản lý thị trường báo cáo Cục Nghiệp vụ quản lý thị trường; Đội Quản lý thị trường báo cáo Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh.

b) Cục Nghiệp vụ Quản lý thị trường, Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh báo cáo Tổng cục Quản lý thị trường.

c) Tổng cục Quản lý thị trường báo cáo Bộ Công Thương.

2. Đối với báo cáo định kỳ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Thông tư này, cơ quan, đơn vị Quản lý thị trường các cấp thực hiện báo cáo theo quy định của cơ quan ban hành chế độ báo cáo.

3. Đối với báo cáo chuyên đề, cơ quan, đơn vị Quản lý thị trường các cấp thực hiện báo cáo theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền ban hành chế độ báo cáo.

Điều 7. Phương thức gửi, nhận báo cáo

1. Tùy theo điều kiện thực tế hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhận báo cáo, cơ quan, đơn vị Quản lý thị trường các cấp thực hiện gửi, nhận báo cáo đối với báo cáo định kỳ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư này bằng một trong các phương thức sau:

a) Gửi qua Hệ thống quản lý văn bản điện tử và điều hành tác nghiệp (địa chỉ: http://office.dms.gov.vn);

b) Gửi qua Hệ thống thư điện tử;

c) Gửi qua Hệ thống báo cáo điện tử;

d) Gửi trực tiếp;

đ) Gửi qua fax;

e) Gửi qua dịch vụ bưu chính.

2. Tổng cục Quản lý thị trường báo cáo Bộ Công Thương bằng một trong các phương thức quy định tại điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này.

3. Phương thức gửi, nhận báo cáo đối với chế độ báo cáo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Thông tư này thực hiện theo quy định của cơ quan ban hành chế độ báo cáo.

Điều 8. Thời gian chốt số liệu

1. Thời gian chốt số liệu của báo cáo định kỳ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư này được thực hiện như sau:

a) Báo cáo tuần tính từ thứ Năm tuần trước đến thứ Tư tuần kỳ báo cáo;

b) Báo cáo tháng, báo cáo quý I, quý III, báo cáo 06 tháng đầu năm, báo cáo năm thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.

2. Thời gian chốt số liệu của báo cáo định kỳ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Thông tư này thực hiện theo quy định của cơ quan ban hành chế độ báo cáo.

3. Thời gian chốt số liệu của báo cáo chuyên đề thực hiện theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền ban hành chế độ báo cáo.

Điều 9. Thời hạn gửi báo cáo

1. Thời hạn gửi báo cáo của chế độ báo cáo định kỳ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư này thực hiện như sau:

a) Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6:

- Báo cáo tuần được gửi trong ngày thứ Tư hằng tuần;

- Báo cáo tháng được gửi muộn nhất trong ngày 17 hằng tháng;

- Báo cáo quý I và báo cáo quý III được gửi muộn nhất trong ngày 17 của tháng cuối kỳ báo cáo;

- Báo cáo 6 tháng đầu năm được gửi muộn nhất trong ngày 17 tháng 6 hằng năm;

- Báo cáo năm được gửi muộn nhất trong ngày 17 tháng 12 hằng năm.

b) Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6:

- Báo cáo tuần được gửi trong ngày thứ Năm hằng tuần;

- Báo cáo tháng được gửi muộn nhất trong ngày 20 hằng tháng;

- Báo cáo quý I và báo cáo quý III được gửi muộn nhất trong ngày 20 của tháng cuối kỳ báo cáo;

- Báo cáo 6 tháng đầu năm được gửi muộn nhất trong ngày 20 tháng 6 hằng năm;

- Báo cáo năm được gửi muộn nhất trong ngày 20 tháng 12 hằng năm.

c) Đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 6:

- Báo cáo tuần được gửi trong ngày thứ Sáu hằng tuần;

- Báo cáo tháng được gửi được muộn nhất trong ngày 23 hằng tháng;

- Báo cáo quý I và báo cáo quý III được gửi được muộn nhất trong ngày 23 của tháng cuối kỳ báo cáo;

- Báo cáo 6 tháng đầu năm được gửi được muộn nhất trong ngày 23 tháng 6 hằng năm;

- Báo cáo năm được gửi muộn nhất trong ngày 23 tháng 12 hằng năm.

2. Thời hạn gửi báo cáo đối với báo cáo định kỳ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Thông tư này thực hiện theo quy định của cơ quan ban hành chế độ báo cáo.

3. Thời hạn gửi báo cáo đối với báo cáo chuyên đề thực hiện theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền ban hành chế độ báo cáo.

Điều 10. Cơ sở dữ liệu điện tử của lực lượng Quản lý thị trường

1. Cơ sở dữ liệu điện tử của lực lượng Quản lý thị trường được xây dựng, cập nhật, khai thác, quản lý và sử dụng trong Hệ thống báo cáo điện tử.

2. Nội dung báo cáo, thông tin, dữ liệu, hình thức, thể thức, kỹ thuật và việc cập nhật, truy cập, khai thác, quản lý, sử dụng Cơ sở dữ liệu điện tử trong Hệ thống báo cáo điện tử do Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường quy định.

3. Cơ quan, đơn vị thực hiện báo cáo, cơ quan nhận báo cáo, nội dung, trình tự, thủ tục, thời gian chốt số liệu, thời hạn cập nhật và gửi báo cáo trong Hệ thống báo cáo điện tử do Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường quy định.

4. Cơ quan, đơn vị Quản lý thị trường các cấp, công chức Quản lý thị trường có trách nhiệm thực hiện cập nhật dữ liệu trong Hệ thống báo cáo điện tử theo quy định.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Cơ quan, đơn vị Quản lý thị trường các cấp có trách nhiệm:

a) Cử công chức chuyên trách hoặc kiêm nhiệm thực hiện chế độ báo cáo, tổng hợp báo cáo;

b) Thực hiện chế độ báo cáo theo đúng quy định của Thông tư này và các quy định có liên quan;

c) Thực hiện phổ biến các quy định của Thông tư này đến các công chức và đơn vị trực thuộc.

2. Công chức được giao nhiệm vụ thực hiện chế độ báo cáo có trách nhiệm:

a) Bảo đảm tính chính xác, trung thực của số liệu, dữ liệu, thông tin được sử dụng trong báo cáo và trong Hệ thống báo cáo điện tử;



b) Đảm bảo bí mật thông tin tài khoản truy cập vào Hệ thống báo cáo điện tử;

c) Thực hiện đúng yêu cầu về nội dung, đúng biểu mẫu và chế độ báo cáo tại Thông tư này và các quy định có liên quan;

d) Cập nhật số liệu, dữ liệu, nội dung báo cáo đúng thời hạn theo quy định.

3. Các công chức, đơn vị thuộc cơ quan, đơn vị Quản lý thị trường các cấp có trách nhiệm phối hợp trong việc cung cấp thông tin, dữ liệu nhằm thực hiện chế độ báo cáo quy định tại Thông tư này và các quy định có liên quan.

3. Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường có trách nhiệm xây dựng Hệ thống báo cáo điện tử, xây dựng Cơ sở dữ liệu điện tử, quy định các nội dung, thông tin, yêu cầu về số liệu, biểu mẫu, dữ liệu trong Hệ thống báo cáo điện tử và quy định việc tổ chức thực hiện Điều 10 Thông tư này.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 04 năm 2021 và thay thế Thông tư số 41/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2013 Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về chế độ báo cáo của Quản lý thị trường.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Tổng cục Quản lý thị trường để được xem xét, hướng dẫn./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương;
- Cổng thông tin điện tử Tổng cục Quản lý thị trường;
- Lãnh đạo Bộ Công Thương;
- Các đơn vị thuộc Bộ Công Thương;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường;
- Lưu: VT, TCQLTT (05).

BỘ TRƯỞNG

BỘ CÔNG THƯƠNG

Trần Tuấn Anh

Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 55 /2020/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (1) **TÊN CƠ QUAN/ĐƠN VỊ (2)**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-…(3)…	*…(4)…, ngày tháng năm 20…*

BÁO CÁO
Kết quả tình hình hoạt động của lực lượng Quản lý thị trường từ ngày …../…../…. đến ngày …./…./…..

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Phản ánh tình hình thị trường, tình hình vi phạm pháp luật thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của lực lượng Quản lý thị trường tại địa bàn được giao quản lý, trong tuần.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA ĐƠN VỊ VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Các hoạt động đã thực hiện trong tuần của đơn vị *(Các hoạt động nổi bật về chỉ đạo, điều hành; tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật; công tác phối hợp với các lực lượng chức năng, cơ quan liên quan)*

2. Kết quả hoạt động kiểm tra thị trường, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của lực lượng Quản lý thị trường

- Số liệu tổng hợp: số vụ kiểm tra; số vụ xử lý; số tiền thu phạt; trị giá hàng hoá vi phạm (đối với tài sản có căn cứ xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính là đơn vị tính khác thì thực hiện tổng hợp số liệu theo đơn vị tính đó).

- Số liệu báo cáo chi tiết thực hiện qua Hệ thống báo cáo điện tử.

III. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC TUẦN SAU (nếu có)

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ (nếu có)

Nơi nhận: - ..... ; - ..... ; - Lưu: VT,…(5) A.xx(6).	**CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** (Chữ ký, dấu)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan chủ quản trực tiếp (nếu có).

(2) Tên cơ quan, đơn vị ban hành báo cáo.

(3) Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị ban hành báo cáo.

(4) Địa danh.

(5) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).

(6) Ký hiệu người đánh máy, nhân bản và số lượng phát hành (nếu cần).

Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 55 /2020/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (1) **TÊN CƠ QUAN/ĐƠN VỊ (2)**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-…(3)…	*…(4)…, ngày tháng năm 20…*

BÁO CÁO

Kết quả tình hình hoạt động của lực lượng Quản lý thị trường tháng …. năm …. và phương hướng, nhiệm vụ tháng …. năm ….

I. TÌNH HÌNH CHUNG

1. Phản ánh, phân tích tình hình thị trường *(Nhận định, phân tích những biến động xấu, tốt, tăng giảm về tình hình cung - cầu, giá cả hàng hóa, dịch vụ, đặc biệt là các mặt hàng thiết yếu đối với sản xuất và tiêu dùng; những vấn đề mới phát sinh, nổi cộm trên địa bàn)*

2. Phản ánh, phân tích tình hình vi phạm pháp luật thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị Quản lý thị trường tại địa bàn được giao quản lý, trong tháng báo cáo.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA ĐƠN VỊ VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Các hoạt động đã thực hiện trong tháng của đơn vị *(Các hoạt động nổi bật về chỉ đạo, điều hành; tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật; bồi dưỡng, tập huấn, hướng dẫn về kỹ năng, nghiệp vụ; công tác phối hợp với các lực lượng chức năng, cơ quan liên quan)*

2. Kết quả hoạt động kiểm tra thị trường, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng Quản lý thị trường

- Số liệu tổng hợp: Số vụ kiểm tra; số vụ xử lý; số tiền thu phạt; trị giá hàng hoá vi phạm (đối với tài sản có căn cứ xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính là đơn vị tính khác thì thực hiện tổng hợp số liệu theo đơn vị tính đó).

- Số liệu chi tiết thực hiện qua Hệ thống báo cáo điện tử.

3. Kết quả công tác thanh tra chuyên ngành

- Việc triển khai các cuộc thanh tra;

- Kết quả thanh tra: Số cá nhân, tổ chức vi phạm; Nội dung các vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra; Tổng số quyết định xử phạt vi phạm hành chính

được ban hành; tổng số tiền vi phạm; Số tiền xử lý tài sản vi phạm; Số tiền kiến nghị thu hồi; Số tiền xử phạt vi phạm...;

- Kết quả thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính và thu hồi.

4. Kết quả công tác khác (nếu có)

III. ĐÁNH GIÁ

- Những chủ trương và biện pháp mới địa phương đã áp dụng đối với công tác quản lý thị trường (nếu có).

- Đánh giá các hoạt động đã thực hiện (*trên cơ sở đối chiếu với chương trình công tác trong tháng, phân tích những việc đã làm được, chưa làm được; các khó khăn, vướng mắc, tồn tại; nguyên nhân khách quan, chủ quan).*

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ

Đề xuất phương hướng, nhiệm vụ trong tháng tiếp theo *(về tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, bồi dưỡng, tập huấn, hướng dẫn về kỹ năng nghiệp vụ; các công tác khác liên quan đến việc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng Quản lý thị trường).*

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ (nếu có)

Những kiến nghị với các cấp có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến hoạt động của cơ quan, đơn vị (nếu có).

Kèm theo Báo cáo này Phụ lục - Những vụ vi phạm điển hình trong kỳ báo cáo

Nội dung phụ lục gồm: Tên tổ chức, cá nhân vi phạm; Hành vi vi phạm; Hình thức xử phạt; Số tiền xử phạt; Hình thức xử phạt bổ sung (nếu có); Biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có)...

Nơi nhận:
- ..... ;
- Lưu: VT,...(5) A.xx(6).

CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký, dấu)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan chủ quản trực tiếp (nếu có).

(2) Tên cơ quan, đơn vị ban hành báo cáo.

(3) Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị ban hành báo cáo.

(4) Địa danh.

(5) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).

(6) Ký hiệu người đánh máy, nhân bản và số lượng phát hành (nếu cần).

Phụ lục III

(Ban hành kèm theo Thông tư số 55 /2020/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (1) **TÊN CƠ QUAN/ ĐƠN VỊ (2)**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-…(3)…	*…(4)…, ngày tháng năm 20…*

BÁO CÁO

Kết quả tình hình hoạt động của lực lượng Quản lý thị trường quý … năm… và phương hướng, nhiệm vụ … tháng cuối năm …

I. TÌNH HÌNH CHUNG

1. Phản ánh, phân tích tình hình thị trường *(Nhận định, phân tích những biến động xấu, tốt, tăng giảm về tình hình cung - cầu, giá cả hàng hóa, dịch vụ, đặc biệt là các mặt hàng thiết yếu đối với sản xuất và tiêu dùng; những vấn đề mới phát sinh, nổi cộm trên địa bàn và những biến động trong Quý I và Quý III).*

2. Phản ánh, phân tích tình hình vi phạm pháp luật thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị Quản lý thị trường tại địa bàn được giao quản lý.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA ĐƠN VỊ VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Đánh giá tổng quát, phân tích việc thực hiện nhiệm vụ công tác quản lý thị trường; tác động đối với việc góp phần thực hiện những mục tiêu kinh tế- xã hội của địa phương và mục tiêu chung của toàn ngành.

1. Nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát thị trường

1.1. Công tác chỉ đạo điều hành, thực hiện các văn bản chỉ đạo của cấp trên triển khai các nhiệm vụ của lực lượng Quản lý thị trường thực hiện trong kỳ báo cáo; công tác tham mưu, thường trực Ban Chỉ đạo 389 tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

1.2. Kết quả kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính:

1.2.1 Số liệu tổng hợp công tác kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính trong kỳ báo cáo *(so sánh với cùng kỳ)*:

a) Số vụ kiểm tra; số vụ xử lý (phân loại theo thẩm quyền của Quản lý thị trường, thẩm quyền của Uỷ ban nhân dân các cấp, cơ quan khác).

b) Số tiền thu phạt (phân loại nộp ngân sách Trung ương/nộp ngân sách địa phương).

c) Trị giá hàng hoá vi phạm nói chung (đối với tài sản có căn cứ xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính là đơn vị tính khác thì thực hiện tổng hợp số liệu theo đơn vị tính đó).

d) Số liệu về tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu (phân loại theo thẩm quyền của Quản lý thị trường, thẩm quyền của Uỷ ban nhân dân các cấp, cơ quan khác), gồm:

+ Trị giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu, xử lý theo hình thức chuyển giao.

+ Trị giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu, xử lý theo hình thức bán.

+ Trị giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu đã tiêu huỷ.

+ Trị giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu chờ xử lý (ước tính).

Đối với tài sản có căn cứ xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính là đơn vị tính khác thì thực hiện tổng hợp số liệu theo đơn vị tính đó.

đ) Số vụ việc chuyển cơ quan tiến hành tố tụng xem xét khởi tố vụ án hình sự: Số vụ việc cơ quan tiến hành tố tụng đã khởi tố; Số vụ chuyển trả xử lý vi phạm hành chính; Số vụ đang xem xét.

1.2.2. Khái quát kết quả kiểm tra, xử lý đối với một số nhóm mặt hàng vi phạm nổi cộm, nhóm hành vi vi phạm phổ biến trên địa bàn

1.2.3. Số liệu chi tiết thực hiện qua Hệ thống báo cáo điện tử

2. Kết quả công tác thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành

- Việc triển khai các cuộc thanh tra;

- Kết quả thanh tra: Số cá nhân, tổ chức vi phạm; Nội dung các vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra; Tổng số quyết định xử phạt vi phạm hành chính được ban hành; tổng số tiền vi phạm; Số tiền xử lý tài sản vi phạm; Số tiền kiến nghị thu hồi; Số tiền xử phạt vi phạm...;

- Kết quả thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính và thu hồi.

3. Kết quả phối hợp với các lực lượng chức năng, cơ quan liên quan

Số vụ việc cơ quan, đơn vị Quản lý thị trường là đơn vị chủ trì; cơ quan, đơn vị Quản lý thị trường là đơn vị phối hợp; Khái quát kết quả xử lý vụ việc.

4. Kết quả công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, truyền thông

Các hình thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật, truyền thông; Kết quả triển khai: số lượng (theo hình thức); số đối tượng được tuyên truyền, phổ biến pháp luật...

5. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiểm tra nội bộ

Tình hình tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo; Kết quả giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền; Tình hình thực hiện kiểm tra nội bộ và kết quả kiểm tra.

6. Công tác tài chính, kế toán, quản lý, sử dụng tài sản

- Kinh phí được giao, tình hình thực hiện; Quản lý sử dụng tài sản: Tình hình kiểm kê, kê khai, cập nhật sơ sở dữ liệu về tài sản…

- Tình hình quản lý, xử lý tài sản là hàng hoá, phương tiện là tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu.

7. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản

- Số lượng dự án thuộc kế hoạch đầu tư trung hạn, tiến độ công việc; Số lượng công trình cải tạo, sửa chữa trong năm, tiến độ công việc..

- Tình hình quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở đi thuê (nếu phát sinh trong kỳ báo cáo).

8. Kết quả công tác khác theo nhu cầu của đơn vị hoặc yêu cầu của cơ quan cấp trên và cơ quan có thẩm quyền (nếu có)

(Những nội dung báo cáo chỉ thực hiện trong nội bộ cơ quan Quản lý thị trường hoặc khi được cấp có thẩm quyền cho phép: công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiểm tra nội bộ; công tác tài chính, kế toán, quản lý sử dụng tài sản; công tác đầu tư xây dựng cơ bản và các nội dung về công tác nội chính khác).

III. ĐÁNH GIÁ

- Phân tích phương thức, thủ đoạn hoạt động của các đối tượng buôn lậu, sản xuất, kinh doanh hàng giả và gian lận thương mại; các nhóm hàng, lĩnh vực, hành vi vi phạm phổ biến trên địa bàn.

- Đánh giá ưu điểm; hạn chế, tồn tại; nguyên nhân khách quan, chủ quan.

IV. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC, ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Những khó khăn, vướng mắc trong thực thi nhiệm vụ.

2. Kiến nghị giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

V. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ

1. Dự báo các yếu tố có khả năng xảy ra tác động đến thị trường, hoạt động của đối tượng buôn lậu, sản xuất, kinh doanh hàng giả và gian lận thương mại.

2. Phương hướng, nhiệm vụ và biện pháp trong thời gian tiếp theo.

Kèm theo Báo cáo này Phụ lục - Những vụ vi phạm điển hình trong kỳ báo cáo.

(Nội dung phụ lục gồm: Tên tổ chức, cá nhân vi phạm; Hành vi vi phạm; Hình thức xử phạt; Số tiền xử phạt; Hàng hoá, phương tiện vi phạm; Hình thức xử phạt bổ sung (nếu có); Biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có)…).

Nơi nhận:
- ..... ;
- ..... ;
- Lưu: VT,...(5) A.xx(6).

CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký, dấu)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan chủ quản trực tiếp (nếu có).

(2) Tên cơ quan, đơn vị ban hành báo cáo.

(3) Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị ban hành báo cáo.

(4) Địa danh.

(5) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).

(6) Ký hiệu người đánh máy, nhân bản và số lượng phát hành (nếu cần).

Phụ lục IV

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2020/TT-BCT ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (1) **TÊN CƠ QUAN/ ĐƠN VỊ (2)**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-...(3)...	*...(4)..., ngày tháng năm 20...*

BÁO CÁO

Kết quả tình hình hoạt động của lực lượng Quản lý thị trường 6 tháng đầu năm .... và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm....

I. TÌNH HÌNH CHUNG

1. Phản ánh, phân tích tình hình thị trường *(Nhận định, phân tích những biến động xấu, tốt, tăng giảm về tình hình cung - cầu, giá cả hàng hóa, dịch vụ, đặc biệt là các mặt hàng thiết yếu đối với sản xuất và tiêu dùng; những vấn đề mới phát sinh, nổi cộm trên địa bàn và những biến động trong 6 tháng đầu năm).*

2. Phản ánh, phân tích tình hình vi phạm pháp luật thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị Quản lý thị trường tại địa bàn được giao quản lý.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA ĐƠN VỊ VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Đánh giá tổng quát, phân tích việc thực hiện nhiệm vụ công tác quản lý thị trường; tác động đối với việc góp phần thực hiện những mục tiêu kinh tế - xã hội của địa phương và mục tiêu chung của toàn ngành.

1. Nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát thị trường

1.1. Công tác chỉ đạo điều hành, thực hiện các văn bản chỉ đạo của cấp trên triển khai các nhiệm vụ của lực lượng Quản lý thị trường thực hiện trong kỳ báo cáo; công tác tham mưu, thường trực Ban Chỉ đạo 389 tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

1.2. Kết quả kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính:

1.2.1. Số liệu tổng hợp công tác kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính trong kỳ báo cáo *(so sánh với cùng kỳ)*:

a) Số vụ kiểm tra; số vụ xử lý (phân loại theo thẩm quyền của Quản lý thị trường và theo thẩm quyền của Uỷ ban nhân dân các cấp).

b) Số tiền thu phạt (phân loại nộp ngân sách Trung ương/nộp ngân sách địa phương).

c) Trị giá hàng hoá vi phạm nói chung (đối với tài sản có căn cứ xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính là đơn vị tính khác thì thực hiện tổng hợp số liệu theo đơn vị tính đó).

d) Số liệu về tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu (phân loại theo thẩm quyền của Quản lý thị trường và theo thẩm quyền của Uỷ ban nhân dân các cấp), gồm:

+ Trị giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu, xử lý theo hình thức chuyển giao.

+ Trị giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu, xử lý theo hình thức bán.

+ Trị giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu đã tiêu huỷ.

+ Trị giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu chờ xử lý (ước tính).

Đối với tài sản có căn cứ xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính là đơn vị tính khác thì thực hiện tổng hợp số liệu theo đơn vị tính đó.

đ) Số vụ việc chuyển cơ quan tiến hành tố tụng xem xét khởi tố vụ án hình sự: số vụ việc cơ quan tiến hành tố tụng đã khởi tố, số vụ chuyển trả xử lý vi phạm hành chính, số vụ đang xem xét.

1.2.2. Khái quát kết quả kiểm tra, xử lý đối với một số nhóm mặt hàng vi phạm nổi cộm, nhóm hành vi vi phạm phổ biến trên địa bàn.

1.2.3. Số liệu chi tiết thực hiện qua Hệ thống báo cáo điện tử.

2. Kết quả công tác thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành.

- Việc triển khai các cuộc thanh tra;

- Kết quả thanh tra: Số cá nhân, tổ chức vi phạm; Nội dung các vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra; Tổng số quyết định xử phạt vi phạm hành chính được ban hành; tổng số tiền vi phạm; Số tiền xử lý tài sản vi phạm; Số tiền kiến nghị thu hồi; Số tiền xử phạt vi phạm...;

- Kết quả thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính và thu hồi.

3. Kết quả công tác phối hợp với các lực lượng chức năng.

Số vụ việc cơ quan Quản lý thị trường là đơn vị chủ trì; cơ quan Quản lý thị trường là đơn vị phối hợp; Khái quát kết quả xử lý vụ việc.

4. Kết quả công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật.

Các hình thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật, truyền thông; Kết quả triển khai: số lượng (theo hình thức); số đối tượng được tuyên truyền, phổ biến pháp luật...

5. Công tác tổ chức, cán bộ, quản lý công chức và công tác đào tạo, bồi dưỡng.

Tình hình biên chế được giao, biên chế hiện có; công tác bổ nhiệm lãnh đạo, quản lý (nếu phát sinh trong kỳ báo cáo); Số lượng công chức được đào tạo, bồi dưỡng; loại hình đào tạo, bồi dưỡng…

6. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiểm tra nội bộ.

Tình hình tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo; Kết quả giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền; Tình hình thực hiện kiểm tra nội bộ và kết quả kiểm tra.

7. Công tác tài chính, kế toán, quản lý sử dụng tài sản.

- Kinh phí được giao, tình hình thực hiện; Quản lý sử dụng tài sản: Tình hình kiểm kê, kê khai, cập nhật sơ sở dữ liệu về tài sản…

- Tình hình quản lý, xử lý tài sản là hàng hoá, phương tiện là tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu.

8. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản.

- Số lượng dự án thuộc kế hoạch đầu tư trung hạn, tiến độ công việc; Số lượng công trình cải tạo, sửa chữa trong năm, tiến độ công việc..

- Tình hình quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở đi thuê (nếu phát sinh trong kỳ báo cáo).

9. Kết quả công tác khác theo nhu cầu của đơn vị hoặc yêu cầu của cơ quan cấp trên và cơ quan có thẩm quyền.

(Những nội dung báo cáo chỉ thực hiện trong nội bộ cơ quan Quản lý thị trường hoặc khi được cấp có thẩm quyền cho phép: công tác tổ chức, cán bộ, quản lý công chức và công tác đào tạo, bồi dưỡng;công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiểm tra nội bộ; công tác tài chính, kế toán, quản lý sử dụng tài sản; công tác đầu tư xây dựng cơ bản và các nội dung về công tác nội chính khác).

III. ĐÁNH GIÁ

- Phân tích phương thức, thủ đoạn hoạt động của các đối tượng buôn lậu, sản xuất, kinh doanh hàng giả và gian lận thương mại; các nhóm hàng, lĩnh vực, hành vi vi phạm phổ biến trên địa bàn.

- Đánh giá ưu điểm; hạn chế, tồn tại; nguyên nhân khách quan, chủ quan.

IV. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC, ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Những khó khăn, vướng mắc trong thực thi nhiệm vụ.

2. Kiến nghị giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

V. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM

1. Dự báo các yếu tố có khả năng xảy ra tác động đến thị trường, hoạt động buôn lậu, sản xuất, kinh doanh hàng giả và gian lận thương mại trong thời gian 6 tháng cuối năm.

2. Phương hướng, nhiệm vụ và biện pháp trong 6 tháng cuối năm.

Kèm theo Báo cáo này Phụ lục - Những vụ vi phạm điển hình trong kỳ báo cáo

Nội dung phụ lục gồm: Tên tổ chức, cá nhân vi phạm; Hành vi vi phạm; Hình thức xử phạt; Số tiền xử phạt; Hàng hoá, phương tiện vi phạm; Hình thức xử phạt bổ sung (nếu có); Biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có)...

Nơi nhận:
- ..... ;
- ..... ;
- Lưu: VT,...(5) A.xx(6).

CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký, dấu)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan chủ quản trực tiếp (nếu có).

(2) Tên cơ quan, đơn vị ban hành báo cáo.

(3) Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị ban hành báo cáo.

(4) Địa danh.

(5) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).

(6) Ký hiệu người đánh máy, nhân bản và số lượng phát hành (nếu cần).

Phụ lục V

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2020/TT-BCT ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (1) **TÊN CƠ QUAN/ ĐƠN VỊ (2)**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-...(3)...	*...(4)..., ngày tháng năm 20...*

BÁO CÁO

Kết quả tình hình hoạt động của lực lượng Quản lý thị trường năm .... và phương hướng, nhiệm vụ năm ....

I. TÌNH HÌNH CHUNG

1. Phản ánh, phân tích tình hình thị trường *(Nhận định, phân tích những biến động xấu, tốt, tăng giảm về tình hình cung - cầu, giá cả hàng hóa, dịch vụ, đặc biệt là các mặt hàng thiết yếu đối với sản xuất và tiêu dùng; những vấn đề mới phát sinh, nổi cộm trên địa bàn và những biến động trong năm).*

2. Phản ánh, phân tích tình hình vi phạm pháp luật thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của lực lượng Quản lý thị trường tại địa bàn được giao quản lý.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA ĐƠN VỊ VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Đánh giá tổng quát, phân tích việc thực hiện nhiệm vụ công tác quản lý thị trường; tác động đối với việc góp phần thực hiện những mục tiêu kinh tế - xã hội của địa phương và mục tiêu chung của toàn ngành.

1. Nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát thị trường

1.1 Công tác chỉ đạo điều hành, thực hiện các văn bản chỉ đạo của cấp trên triển khai các nhiệm vụ của lực lượng Quản lý thị trường thực hiện trong kỳ báo cáo; công tác tham mưu, thường trực Ban Chỉ đạo 389 tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

1.2. Kết quả kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính:

1.2.1. Số liệu tổng hợp công tác kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính trong kỳ báo cáo *(so sánh với cùng kỳ)*:

a) Số vụ kiểm tra; số vụ xử lý (phân loại theo thẩm quyền của Quản lý thị trường và theo thẩm quyền của Uỷ ban nhân dân các cấp).

b) Số tiền thu phạt (phân loại nộp ngân sách Trung ương/nộp ngân sách địa phương).

c) Trị giá hàng hoá vi phạm nói chung (đối với tài sản có căn cứ xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính là đơn vị tính khác thì thực hiện tổng hợp số liệu theo đơn vị tính đó).

d) Số liệu về tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu (phân loại theo thẩm quyền của Quản lý thị trường và theo thẩm quyền của Uỷ ban nhân dân các cấp), gồm:

+ Trị giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu, xử lý theo hình thức chuyển giao.

+ Trị giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu, xử lý theo hình thức bán.

+ Trị giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu đã tiêu huỷ.

+ Trị giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu chờ xử lý (ước tính).

Đối với tài sản có căn cứ xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính là đơn vị tính khác thì thực hiện tổng hợp số liệu theo đơn vị tính đó.

đ) Số vụ việc chuyển cơ quan tiến hành tố tụng xem xét khởi tố vụ án hình sự: số vụ việc cơ quan tiến hành tố tụng đã khởi tố, số vụ chuyển trả xử lý vi phạm hành chính, số vụ đang xem xét.

1.2.2. Khái quát kết quả kiểm tra, xử lý đối với một số nhóm mặt hàng vi phạm nổi cộm, nhóm hành vi vi phạm phổ biến trên địa bàn.

1.2.3. Số liệu chi tiết thực hiện qua Hệ thống báo cáo điện tử

2. Kết quả công tác thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành.

- Việc triển khai các cuộc thanh tra;

- Kết quả thanh tra: Số cá nhân, tổ chức vi phạm; Nội dung các vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra; Tổng số quyết định xử phạt vi phạm hành chính được ban hành; tổng số tiền vi phạm; Số tiền xử lý tài sản vi phạm; Số tiền kiến nghị thu hồi; Số tiền xử phạt vi phạm...;

- Kết quả thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính và thu hồi.

3. Kết quả công tác phối hợp với các lực lượng chức năng.

Số vụ việc cơ quan Quản lý thị trường là đơn vị chủ trì; cơ quan Quản lý thị trường là đơn vị phối hợp; Khái quát kết quả xử lý vụ việc.

4. Kết quả công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật.

Các hình thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật, truyền thông; Kết quả triển khai: số lượng (theo hình thức); số đối tượng được tuyên truyền, phổ biến pháp luật...

5. Công tác tổ chức, cán bộ, quản lý công chức và công tác đào tạo, bồi dưỡng.

Tình hình biên chế được giao, biên chế hiện có; công tác bổ nhiệm lãnh đạo, quản lý (nếu phát sinh trong kỳ báo cáo); Số lượng công chức được đào tạo, bồi dưỡng; loại hình đào tạo, bồi dưỡng…

6. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiểm tra nội bộ.

Tình hình tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo; Kết quả giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền; Tình hình thực hiện kiểm tra nội bộ và kết quả kiểm tra.

7. Công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật

Tình hình thực hiện công tác thi đua của cơ quan, đơn vị; Các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng của tập thể, cá nhân; Tình hình xử lý kỷ luật (nếu phát sinh trong kỳ)

8. Công tác tài chính, kế toán, quản lý sử dụng tài sản.

- Kinh phí được giao, tình hình thực hiện; Quản lý sử dụng tài sản: Tình hình kiểm kê, kê khai, cập nhật sơ sở dữ liệu về tài sản…

- Tình hình quản lý, xử lý tài sản là hàng hoá, phương tiện là tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu.

9. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản.

- Số lượng dự án thuộc kế hoạch đầu tư trung hạn, tiến độ công việc; Số lượng công trình cải tạo, sửa chữa trong năm, tiến độ công việc..

- Tình hình quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở đi thuê (nếu phát sinh trong kỳ báo cáo).

10. Kết quả công tác khác theo nhu cầu của đơn vị hoặc yêu cầu của cơ quan cấp trên và cơ quan có thẩm quyền.

(Những nội dung báo cáo chỉ thực hiện trong nội bộ cơ quan Quản lý thị trường hoặc khi được cấp có thẩm quyền cho phép: công tác tổ chức, cán bộ, quản lý công chức và công tác đào tạo, bồi dưỡng; công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiểm tra nội bộ; công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật; công tác tài chính, kế toán, quản lý sử dụng tài sản; công tác đầu tư xây dựng cơ bản và các nội dung về công tác nội chính khác).

III. ĐÁNH GIÁ

- Phân tích phương thức, thủ đoạn hoạt động của các đối tượng buôn lậu, sản xuất, kinh doanh hàng giả và gian lận thương mại; các nhóm hàng, lĩnh vực, hành vi vi phạm phổ biến trên địa bàn.

- Đánh giá ưu điểm; hạn chế, tồn tại; nguyên nhân khách quan, chủ quan.

IV. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC, ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Những khó khăn, vướng mắc trong thực thi nhiệm vụ.

2. Kiến nghị giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và đề xuất các sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác.

V. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM TIẾP THEO

1. Dự báo các yếu tố có khả năng xảy ra tác động đến thị trường, hoạt động buôn lậu, sản xuất, kinh doanh hàng giả và gian lận thương mại các yếu tố đặc thù của địa bàn trong năm tiếp theo.

2. Phương hướng, nhiệm vụ và biện pháp trong năm tiếp theo.

Kèm theo Báo cáo này Phụ lục - Những vụ vi phạm điển hình trong kỳ báo cáo

Nội dung phụ lục gồm: Tên tổ chức, cá nhân vi phạm; Hành vi vi phạm; Hình thức xử phạt; Số tiền xử phạt; Hàng hoá, phương tiện vi phạm; Hình thức xử phạt bổ sung (nếu có); Biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có)...

Nơi nhận:
- ..... ;
- ..... ;
- Lưu: VT,...(5) A.xx(6).

CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký, dấu)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan chủ quản trực tiếp (nếu có).

(2) Tên cơ quan, đơn vị ban hành báo cáo.

(3) Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị ban hành báo cáo.

(4) Địa danh.

(5) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).

(6) Ký hiệu người đánh máy, nhân bản và số lượng phát hành (nếu cần).

BỘ CÔNG THƯƠNG
TỔNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 108/BC-TCQLTT

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO
Giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Vụ Pháp chế đối với dự thảo Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chế độ báo cáo của lực lượng Quản lý thị trường

Ngày 25 tháng 12 năm 2020, Vụ Pháp chế có Báo cáo số 2205/PC-TH thẩm định đối với Dự thảo Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chế độ báo cáo của lực lượng Quản lý thị trường (sau đây gọi tắt là Dự thảo Thông tư).

Báo cáo thẩm định của Vụ Pháp chế đối với Dự thảo Thông tư nhất trí với sự cần thiết ban hành văn bản nhằm bảo đảm sự phù hợp với yêu cầu thực tiễn thực hiện công tác báo cáo của lực lượng Quản lý thị trường. Nội dung Dự thảo Thông tư phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng; đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành, không trái với điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên. Dự thảo Thông tư đảm bảo tính khả thi, phù hợp với yêu cầu thực tế, trình độ phát triển của xã hội và đủ điều kiện bảo đảm để thực hiện.

Trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản đã đảm bảo theo đúng quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Về một số ý kiến góp ý của Vụ Pháp chế đối với nội dung của Dự thảo Thông tư tại Báo cáo thẩm định số 2205/PC-TH, Tổng cục Quản lý thị trường, cơ quan chủ trì soạn thảo, xin được tiếp thu, giải trình cụ thể như sau:

1. Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

Vụ Pháp chế đề nghị rà soát lại về phạm vi điều chỉnh của Thông tư quy định về chế độ báo cáo trong nội bộ của lực lượng Quản lý thị trường (QLTT) hay bao gồm cả việc báo cáo giữa lực lượng QLTT với các cơ quan khác (do việc thực hiện các chế độ báo cáo do các cơ quan khác ban hành đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan ban hành chế độ báo cáo đó quy định).

Tiếp thu ý kiến thẩm định của Vụ Pháp chế, Tổng cục Quản lý thị trường đã thực hiện rà soát và chỉnh sửa tại dự thảo như sau:

"*Thông tư này quy định về chế độ báo cáo của lực lượng Quản lý thị trường và việc thực hiện chế độ báo cáo do cơ quan nhà nước có thẩm quyền*

ban hành liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng Quản lý thị trường."

2. Về các loại báo cáo (Điều 4)

Vụ Pháp chế đề nghị lược bớt các nội dung yêu cầu báo cáo tại Phụ lục I đối với chế độ báo cáo tuần để giảm bớt gánh nặng báo cáo cho lực lượng. Bên cạnh đó, cần có sự phân biệt giữa yêu cầu thực hiện các nội dung báo cáo theo mẫu quy định tại Phụ lục I và yêu cầu cập nhật số liệu, bảng biểu trong hệ thống báo cáo điện tử hằng tuần do việc cập nhật số liệu trên hệ thống báo cáo điện tử thao tác nhanh gọn, tiết kiệm thời gian, thay vì phải thực hiện nhiều thủ tục để báo cáo bằng văn bản.

Tiếp thu ý kiến thẩm định của Vụ Pháp chế, Tổng cục Quản lý thị trường đã chỉnh lý nội dung chính của Phụ lục I gồm:

"*1. Các hoạt động đã thực hiện trong tuần của đơn vị (Nêu các hoạt động nổi bật về chỉ đạo, điều hành; tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật; công tác phối hợp với các lực lượng chức năng, cơ quan liên quan)*

2. Kết quả hoạt động kiểm tra thị trường, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của lực lượng Quản lý thị trường.

- Số liệu tổng hợp: số vụ kiểm tra; số vụ xử lý; số tiền thu phạt; trị giá hàng hoá vi phạm (đối với tài sản có căn cứ xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính là đơn vị tính khác thì thực hiện tổng hợp số liệu theo đơn vị tính đó).

- Số liệu báo cáo chi tiết thực hiện qua Hệ thống báo cáo điện tử."

3. Về nội dung báo cáo (Điều 5)

Vụ Pháp chế có ý kiến:

- Hiện dự thảo đang quy định nội dung báo cáo chuyên đề nhưng lại mang tính chất của báo cáo đột xuất, cần có sự chỉnh lý lại cho phù hợp.

- Tại khoản 3, đề nghị quy định theo hướng: Đối với các nội dung báo cáo là các số liệu, bảng biểu, Tổng cục trưởng Tổng cục QLTT ban hành mẫu bảng biểu, yêu cầu về số liệu, thông tin căn cứ nhu cầu, tình hình thực tiễn.

Tiếp thu ý kiến thẩm định của Vụ Pháp chế, Tổng cục Quản lý thị trường đã chỉnh lý tại Dự thảo Thông tư:

- Khoản 2 Điều 3: "*Báo cáo chuyên đề của lực lượng Quản lý thị trường là báo cáo được cơ quan, đơn vị Quản lý thị trường thực hiện để đáp ứng yêu cầu thông tin trọng tâm, trọng điểm, có tính chuyên sâu về một vấn đề liên quan đến tình hình hoạt động của lực lượng Quản lý thị trường và phải thực hiện một hoặc nhiều lần trong một khoảng thời gian nhất định*"

- Khoản 3 Điều 5: "*Nội dung báo cáo chuyên đề do Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ, Cục trưởng Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền quyết định theo từng báo cáo chuyên đề cụ thể.*"

- Khoản 3 Điều 5: "*Đối với nội dung báo cáo là số liệu, bảng biểu và các nội dung yêu cầu báo cáo khác không thuộc khoản 1, 2 và 3 Điều này, Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường ban hành mẫu bảng biểu, yêu cầu về số liệu, nội dung yêu cầu báo cáo trên Hệ thống báo cáo điện tử căn cứ nhu cầu, tình hình thực tiễn.*"

4. Về cơ quan, đơn vị gửi, nhận báo cáo và phương thức gửi nhận báo cáo (Điều 6)

Vụ Pháp chế có ý kiến:

- Tại điểm a khoản 1, đề nghị làm rõ quy định về việc Tổng cục QLTT gửi báo cáo bằng văn bản điện tử theo mẫu quy định thông qua hệ thống báo cáo điện tử của QLTT tới Bộ Công Thương và các cơ quan liên quan.

- Đề nghị quy định về cơ quan, đơn vị gửi, nhận trong chế độ báo cáo định kỳ tại khoản 1 Điều 6 theo hướng: Đối với các nội dung báo cáo theo mẫu quy định từ Phụ lục I đến Phụ lục IV, cơ quan, đơn vị QLTT thực hiện báo cáo và gửi cơ quan QLTT cấp trên trực tiếp; Đối với các nội dung báo cáo là bảng biểu, số liệu, cơ quan, đơn vị QLTT thực hiện báo cáo trên hệ thống báo cáo điện tử của lực lượng QLTT.

- Trường hợp xác định phạm vi điều chỉnh của dự thảo Thông tư bao gồm cả việc thực hiện chế độ báo cáo của lực lượng QLTT với các cơ quan khác, đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định về cơ quan gửi, nhận đối với các trường hợp này.

- Đề nghị quy định phương thức gửi nhận báo cáo cụ thể đối với từng loại báo cáo trong chế độ báo cáo định kỳ (ví dụ: chế độ báo cáo tuần chỉ thực hiện bằng phương thức gửi qua thư điện tử hoặc trên hệ thống báo cáo điện tử). Bên cạnh đó, việc báo cáo đối với mỗi loại báo cáo chỉ nên thực hiện 01 phương thức gửi, nhận, chủ thể thực hiện báo cáo có quyền lựa chọn phương thức gửi báo cáo.

- Đề nghị bổ sung quy định về hình thức, kỹ thuật, thể thức của văn bản báo cáo thể hiện dưới dạng văn bản điện tử phải đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

Tiếp thu ý kiến thẩm định, Tổng cục Quản lý thị trường đã chỉnh sửa Dự thảo Thông tư tại Điều 6 quy định về cơ quan, đơn vị thực hiện báo cáo và cơ quan nhận báo cáo, Điều 7 quy định về phương thức gửi, nhận báo cáo, theo ý kiến góp ý của Vụ Pháp chế.

5. Về trình tự, thời gian chốt số liệu và gửi báo cáo (Điều 7)

Vụ Pháp chế có ý kiến:

- Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/07/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 97/2017/NĐ-CP) quy định trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong việc xây dựng báo cáo định kỳ 06 tháng và hằng năm về công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và gửi Bộ

Tư pháp tổng hợp. Để phục vụ cho chế độ báo cáo này, đề nghị quy định về thời điểm chốt số liệu (và cả thời gian gửi báo cáo cũng như nội dung của báo cáo) đối với báo cáo định kỳ về nội dung này theo hướng dẫn chiếu đến việc thực hiện theo Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

- Tại khoản 2 Điều 7: Đề nghị quy định thời hạn gửi báo cáo tại điểm b khoản 2 Điều 7 để đảm bảo tính hợp lý và khả thi do cơ quan cấp trên cần căn cứ vào báo cáo của cơ quan cấp dưới để tổng hợp báo cáo.

Tiếp thu ý kiến thẩm định của Vụ Pháp chế, Tổng cục Quản lý thị trường đã rà soát và chỉnh sửa thời gian chốt số liệu (Điều 8 Dự thảo Thông tư) và thời hạn gửi báo cáo (Điều 9 Dự thảo Thông tư) đảm bảo đáp ứng quy định của Nghị định số 09/2019/NĐ-CP (trước 25/12 hằng năm Bộ báo cáo Chính phủ và cấp có thẩm quyền).

Đối với chế độ báo cáo công tác theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính quy định tại Nghị định số 81/2013/NĐ-CP và Nghị định số 97/2017/NĐ-CP có mục tiêu và nội dung cơ bản tương đồng đối với nội dung báo cáo quy định tại dự thảo Thông tư về tình hình kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính. Số liệu báo cáo sẽ được số hoá và đáp ứng việc kết xuất thông tin tại bất kỳ thời điểm nào. Do vậy, việc quy định thời điểm chốt số liệu báo cáo theo Nghị định 09/2019/NĐ-CP đảm bảo thời hạn của đa số yêu cầu các cơ quan liên quan tiếp nhận báo cáo của lực lượng Quản lý thị trường và đảm bảo nguyên tắc áp dụng của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Khoản 3 Điều 156). Bên cạnh đó, Dự thảo Thông tư cũng đã có quy định trường hợp báo cáo định kỳ có sự khác biệt về thời điểm chốt số liệu và phương thức báo cáo thì thực hiện theo quy định của cơ quan yêu cầu báo cáo.

6. Về tổ chức thực hiện (Điều 9)

Vụ Pháp chế đề nghị bổ sung quy định giao cho Tổng cục trưởng Tổng cục QLTT có trách nhiệm xây dựng Hệ thống báo cáo điện tử, xây dựng cơ sở dữ liệu, quy định các nội dung, thông tin, yêu cầu về số liệu, biểu mẫu trong Hệ thống báo cáo điện tử.

Tiếp thu ý kiến thẩm định của Vụ Pháp chế, Tổng cục Quản lý thị trường đã tiếp thu, chỉnh sửa tại Dự thảo Thông tư:

*- "**Điều 10. Cơ sở dữ liệu điện tử của lực lượng Quản lý thị trường***

1. Cơ sở dữ liệu điện tử của lực lượng Quản lý thị trường được xây dựng, cập nhật, khai thác, quản lý và sử dụng trong Hệ thống báo cáo điện tử.

2. Nội dung báo cáo, thông tin, dữ liệu, hình thức, thể thức, kỹ thuật và việc cập nhật, truy cập, khai thác, quản lý, sử dụng Cơ sở dữ liệu điện tử trong Hệ thống báo cáo điện tử do Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường quy định.

3. Cơ quan, đơn vị thực hiện báo cáo, cơ quan nhận báo cáo, nội dung, trình tự, thủ tục, thời gian chốt số liệu, thời hạn cập nhật và gửi báo cáo trong

Hệ thống báo cáo điện tử do Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường quy định.

4. Cơ quan, đơn vị Quản lý thị trường các cấp, công chức Quản lý thị trường có trách nhiệm thực hiện cập nhật dữ liệu trong Hệ thống báo cáo điện tử theo quy định."

- Khoản 3 Điều 11: *"Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường có trách nhiệm xây dựng Hệ thống báo cáo điện tử, xây dựng Cơ sở dữ liệu điện tử, quy định các nội dung, thông tin, yêu cầu về số liệu, biểu mẫu, dữ liệu trong Hệ thống báo cáo điện tử và quy định việc tổ chức thực hiện Điều 10 Thông tư này."*

Trên đây là Báo cáo của Tổng cục Quản lý thị trường về việc tổng hợp và giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định của Vụ Pháp chế đối với Dự thảo Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chế độ báo cáo của lực lượng Quản lý thị trường./.

Nơi nhận:
- Bộ trưởng (để b/c)
- TT. Đặng Hoàng An (để b/c);
- Vụ Pháp chế (để phối hợp);
- Các Phó Tổng cục trưởng (để biết);
- Vụ CSPC (Tổng cục QLTT);
- Lưu: VT, THKHTC (05).

TỔNG CỤC TRƯỞNG

BỘ CÔNG THƯƠNG ★ TỔNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG

Trần Hữu Linh

BỘ CÔNG THƯƠNG
VỤ PHÁP CHẾ

Số: 2289 /PC-TH

V/v tổng hợp ý kiến tập thể Lãnh đạo Bộ về Dự thảo Thông tư

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2020

TỔNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG
CÔNG VĂN ĐẾN
NGÀY: 04-01-2021
Số: 90

Kính gửi: Tổng cục Quản lý thị trường

Thực hiện Thông tư số 19/2018/TT-BCT ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương, Vụ Pháp chế đã tiến hành lấy ý kiến Lãnh đạo Bộ (02 Lãnh đạo Bộ) đối với Dự thảo Thông tư quy định chế độ báo cáo của lực lượng Quản lý thị trường.

Đến nay, Vụ Pháp chế đã nhận được 02/02 Phiếu ghi ý kiến của tập thể Lãnh đạo Bộ (Bộ trưởng, Thứ trưởng Đặng Hoàng An)

Trên cơ sở các Phiếu ghi ý kiến của tập thể Lãnh đạo Bộ, Vụ Pháp chế đã tổng hợp lại như sau:

I. Một số nội dung cụ thể cần xin ý kiến về dự thảo

Dự thảo không có nội dung còn ý kiến khác nhau.

II. Ý kiến (khác) về dự thảo

Không có ý kiến khác.

II. Biểu quyết đối với toàn bộ nội dung dự thảo

02 Phiếu biểu quyết thông qua.

Trên đây là kết quả tổng hợp Phiếu ghi ý kiến của Lãnh đạo Bộ đối với Dự thảo Thông tư, gửi Quý đơn vị tiếp thu, hoàn chỉnh Dự thảo để báo cáo Lãnh đạo Bộ ký ban hành./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: PC, TH, giangvh.

VỤ TRƯỞNG

Nguyễn Anh Sơn

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU LẤY Ý KIẾN LÃNH ĐẠO BỘ

Về dự thảo Thông tư quy định chế độ báo cáo của lực lượng Quản lý thị trường

(Kèm theo các văn bản: Dự thảo Tờ trình Bộ trưởng, Dự thảo Thông tư, Báo cáo thẩm định của Vụ Pháp chế, Bản tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Vụ Pháp chế, Bản giải trình, tiếp thu ý kiến của các đơn vị)

Kính gửi: Thứ trưởng Đặng Hoàng An

Đơn vị chủ trì soạn thảo: Tổng cục Quản lý thị trường

Ngày Vụ Pháp chế trình lấy ý kiến: 30/12/2020

I. MỘT SỐ NỘI DUNG CỤ THỂ CẦN XIN Ý KIẾN VỀ DỰ THẢO

Dự thảo không có nội dung còn ý kiến khác nhau.

II. Ý KIẾN (KHÁC) VỀ DỰ THẢO (nếu có)

.....

.....

.....

III. BIỂU QUYẾT ĐỐI VỚI TOÀN BỘ NỘI DUNG DỰ THẢO

(Đánh dấu X vào một trong hai ô ở bên cạnh)

1. **Thông qua** (*sau khi các ý kiến trên được tiếp thu*) ☒

2. **Không thông qua** (*nêu rõ lý do*) ☐

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Chữ ký của Lãnh đạo Bộ)

(Đề nghị đồng chí cho ý kiến trong ngày 31 tháng 12 năm 2020)

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU LẤY Ý KIẾN LÃNH ĐẠO BỘ

Về dự thảo Thông tư quy định chế độ báo cáo của lực lượng Quản lý thị trường

(Kèm theo các văn bản: Dự thảo Tờ trình Bộ trưởng, Dự thảo Thông tư, Báo cáo thẩm định của Vụ Pháp chế, Bản tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Vụ Pháp chế, Bản giải trình, tiếp thu ý kiến của các đơn vị)

Kính gửi: Bộ trưởng Trần Tuấn Anh

Đơn vị chủ trì soạn thảo: Tổng cục Quản lý thị trường

Ngày Vụ Pháp chế trình lấy ý kiến: 30/12/2020

I. MỘT SỐ NỘI DUNG CỤ THỂ CẦN XIN Ý KIẾN VỀ DỰ THẢO

Dự thảo không có nội dung còn ý kiến khác nhau.

II. Ý KIẾN (KHÁC) VỀ DỰ THẢO (nếu có)

.....

.....

.....

III. BIỂU QUYẾT ĐỐI VỚI TOÀN BỘ NỘI DUNG DỰ THẢO

(Đánh dấu X vào một trong hai ô ở bên cạnh)

1. **Thông qua** (*sau khi các ý kiến trên được tiếp thu*) ☒

2. **Không thông qua** (*nêu rõ lý do*) ☐

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2020

(Chữ ký của Lãnh đạo Bộ)

(Đề nghị đồng chí cho ý kiến trong ngày 31 tháng 12 năm 2020)

BỘ CÔNG THƯƠNG **VỤ PHÁP CHẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 8205 /PC-TH	*Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2020*

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Thông tư quy định chế độ báo cáo của lực lượng Quản lý thị trường

Kính gửi: Tổng cục Quản lý thị trường

Thực hiện Thông tư số 19/2018/TT-BCT ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương, Vụ Pháp chế tổ chức cuộc họp thẩm định "*dự thảo Thông tư quy định chế độ báo cáo của lực lượng Quản lý thị trường*" với sự tham gia của đại diện các đơn vị: Tổng cục Quản lý thị trường, các Cục Quản lý thị trường Hà Nội, Thái Nguyên, Phú Thọ và Vĩnh Phúc, Văn phòng Bộ, Vụ Kế hoạch.

Sau khi nghe Báo cáo viên trình bày những nội dung chính của dự thảo, phát biểu ý kiến của các thành viên tham dự cuộc họp, đồng chí chủ trì cuộc họp đã thống nhất kết luận các nội dung sau đây:

I. Một số vấn đề chung

1. Sự cần thiết ban hành văn bản

Nhất trí sự cần thiết xây dựng và ban hành Thông tư.

2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước

Nội dung của dự thảo Thông tư phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng.

3. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo văn bản với hệ thống pháp luật và tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên

Dự thảo Thông tư đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành, không trái với các điều ước quốc tế có liên quan.

4. Điều kiện bảo đảm về nguồn nhân lực, tài chính để đảm bảo thi hành văn bản

Dự thảo Thông tư cơ bản đảm bảo tính khả thi, phù hợp với yêu cầu thực tế, trình độ phát triển của xã hội và đủ điều kiện bảo đảm để thực hiện.

5. Ngôn ngữ, kỹ thuật và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản

Trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản đã đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Tuy nhiên, cần rà soát, chỉnh sửa kỹ thuật soạn thảo và thể thức trình bày văn bản theo quy định.

II. Về một số nội dung cụ thể

1. Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

Đề nghị rà soát lại về phạm vi điều chỉnh của Thông tư quy định về chế độ báo cáo trong nội bộ của lực lượng QLTT hay bao gồm cả việc báo cáo giữa lực lượng QLTT với các cơ quan khác (do việc thực hiện các chế độ báo cáo do các cơ quan khác ban hành đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan ban hành chế độ báo cáo đó quy định).

2. Về các loại báo cáo (Điều 4)

Đề nghị lược bớt các nội dung yêu cầu báo cáo tại Phụ lục I đối với chế độ báo cáo tuần để giảm bớt gánh nặng báo cáo cho lực lượng. Bên cạnh đó, cần có sự phân biệt giữa yêu cầu thực hiện các nội dung báo cáo theo mẫu quy định tại Phụ lục I và yêu cầu cập nhật số liệu, bảng biểu trong hệ thống báo cáo điện tử hằng tuần do việc cập nhật số liệu trên hệ thống báo cáo điện tử thao tác nhanh gọn, tiết kiệm thời gian, thay vì phải thực hiện nhiều thủ tục để báo cáo bằng văn bản.

3. Về nội dung báo cáo (Điều 5)

- Hiện dự thảo đang quy định nội dung báo cáo chuyên đề nhưng lại mang tính chất của báo cáo đột xuất, cần có sự chỉnh lý lại cho phù hợp.

- Tại khoản 3, đề nghị quy định theo hướng: Đối với các nội dung báo cáo là các số liệu, bảng biểu, Tổng cục trưởng Tổng cục QLTT ban hành mẫu bảng biểu, yêu cầu về số liệu, thông tin căn cứ nhu cầu, tình hình thực tiễn.

4. Về cơ quan, đơn vị gửi, nhận báo cáo và phương thức gửi nhận báo cáo (Điều 6)

- Tại điểm a khoản 1, đề nghị làm rõ quy định về việc Tổng cục QLTT gửi báo cáo bằng văn bản điện tử theo mẫu quy định thông qua hệ thống báo cáo điện tử của QLTT tới Bộ Công Thương và các cơ quan liên quan.

- Đề nghị quy định về cơ quan, đơn vị gửi, nhận trong chế độ báo cáo định kỳ tại khoản 1 Điều 6 theo hướng: Đối với các nội dung báo cáo theo mẫu quy định từ Phụ lục I đến Phụ lục IV, cơ quan, đơn vị QLTT thực hiện báo cáo và gửi cơ quan QLTT cấp trên trực tiếp; Đối với các nội dung báo cáo là bảng biểu, số liệu, cơ quan, đơn vị QLTT thực hiện báo cáo trên hệ thống báo cáo điện tử của lực lượng QLTT.

- Trường hợp xác định phạm vi điều chỉnh của dự thảo Thông tư bao gồm cả việc thực hiện chế độ báo cáo của lực lượng QLTT với các cơ quan khác, đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định về cơ quan gửi, nhận đối với các trường hợp này.

- Đề nghị quy định phương thức gửi nhận báo cáo cụ thể đối với từng loại báo cáo trong chế độ báo cáo định kỳ (ví dụ: chế độ báo cáo tuần chỉ thực hiện bằng phương thức gửi qua thư điện tử hoặc trên hệ thống báo cáo điện tử). Bên cạnh đó, việc báo cáo đối với mỗi loại báo cáo chỉ nên thực hiện 01 phương thức gửi, nhận, chủ thể thực hiện báo cáo có quyền lựa chọn phương thức gửi báo cáo.

- Đề nghị bổ sung quy định về hình thức, kỹ thuật, thể thức của văn bản báo cáo thể hiện dưới dạng văn bản điện tử phải đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

5. Về trình tự, thời gian chốt số liệu và gửi báo cáo (Điều 7)

- Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/07/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 97/2017/NĐ-CP) quy định trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong việc xây dựng báo cáo định kỳ 06 tháng và hằng năm về công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và gửi Bộ Tư pháp tổng hợp. Để phục vụ cho chế độ báo cáo này, đề nghị quy định về thời điểm chốt số liệu (và cả thời gian gửi báo cáo cũng như nội dung của báo cáo) đối với báo cáo định kỳ về nội dung này theo hướng dẫn chiếu đến việc thực hiện theo Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

- Tại khoản 2 Điều 7: Đề nghị quy định thời hạn gửi báo cáo tại điểm b khoản 2 Điều 7 để đảm bảo tính hợp lý và khả thi do cơ quan cấp trên cần căn cứ vào báo cáo của cơ quan cấp dưới để tổng hợp báo cáo.

6. Về tổ chức thực hiện (Điều 9)

Đề nghị bổ sung quy định giao cho Tổng cục trưởng Tổng cục QLTT có trách nhiệm xây dựng Hệ thống báo cáo điện tử, xây dựng cơ sở dữ liệu, quy định các nội dung, thông tin, yêu cầu về số liệu, biểu mẫu trong Hệ thống báo cáo điện tử.

Trên đây là ý kiến thẩm định của Vụ Pháp chế đối với dự thảo Thông tư, đề nghị Quý đơn vị nghiên cứu tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ dự thảo để làm thủ tục trình Lãnh đạo Bộ cho ý kiến và trình Bộ trưởng xem xét, ký ban hành./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng Trần Tuấn Anh (để đ/c);
- Thứ trưởng Đặng Hoàng An (để b/c);
- Lưu: PC, TH, giangvh.

VỤ TRƯỞNG

Nguyễn Anh Sơn

BẢNG TỔNG HỢP
TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý ĐỐI VỚI DỰ THẢO THÔNG TƯ
QUY ĐỊNH CHẾ ĐỘ BÁO CÁO CỦA LỰC LƯỢNG QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG

Điều khoản góp ý	Nội dung góp ý	Đơn vị góp ý	Tiếp thu, giải trình góp ý
Căn cứ	- Bổ sung căn cứ Luật Thống kê năm 2015. - Bổ sung Mục đích của việc thực hiện chế độ báo cáo; bổ sung và sắp xếp các Điều, Khoản, Điểm theo quy định tại Mục 3, Điều 40 của Luật Thống kê; các tiêu đề nên ngắn gọn, súc tích.	Vụ KH	Dự thảo Thông tư quy định báo cáo định kỳ, không quy định chế độ thống kê nên không căn cứ Luật Thống kê năm 2015. Số liệu của báo cáo được thực hiện trên cơ sở yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. Các số liệu liên qua đến các chỉ số thống kê được thực hiện theo Thông tư số 41/2016/TT-BCT ngày 30/12/2016 của Bộ Công Thương về công tác thống kê ngành công thương, do vậy, xin giữ nguyên như Dự thảo Thông tư.
Căn cứ	Điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước quy định trường hợp Nghị định không điều chỉnh bao gồm: "Chế độ báo cáo trong nội bộ từng cơ quan hành chính nhà nước". Qua rà soát các quy định tại dự thảo Thông tư, Vụ Pháp chế nhận thấy, dự thảo Thông tư đang quy định về chế độ báo cáo trong nội bộ của Tổng cục Quản lý thị trường (như cơ quan, đơn vị gửi nhận các loại báo cáo bao gồm các đơn vị trực thuộc Tổng cục; người thực hiện nhiệm vụ báo cáo là công chức, người lao động làm việc tại các đơn vị thuộc Tổng cục). Do vậy, đề nghị không đưa Nghị định số 09/2019/NĐ-CP là căn cứ ban hành Thông tư. Tuy nhiên, khi xây dựng các báo cáo, cần đảm bảo về thời gian thực hiện báo cáo và thời gian chốt số liệu để phục vụ cho công tác báo cáo chung của Bộ Công Thương có liên quan đến lĩnh vực Quản lý thị trường.	Vụ PC	Dự thảo Thông tư quy định chế độ báo cáo định kỳ/chuyên đề của lực lượng Quản lý thị trường. Về cơ bản, Thông tư quy định nội dung báo cáo và gửi nhận báo cáo trong nội bộ Quản lý thị trường các cấp. Tuy nhiên, với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Quản lý thị trường, hiện nay lực lượng Quản lý thị trường thực hiện công tác báo cáo với Bộ Tư pháp (công tác theo dõi thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính), Bộ Tài chính (công tác quản lý số thu xử phạt và quản lý tài sản là tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu); báo cáo đối với chính quyền địa phương, các tổ chức phối hợp liên ngành như Ban Chỉ đạo 389, Ban Chỉ đạo 138 (bao gồm cả TW và địa phương) về công tác quản lý thị trường. Việc thực hiện báo cáo này là yêu cầu không thể thiếu trong quản lý nhà nước, ổn định tình hình chính trị, kinh tế-xã hội tại địa bàn và ngành Công Thương. Đối với báo cáo định kỳ/chuyên đề, cơ quan Quản lý thị trường các cấp có thể sử dụng thực hiện báo cáo các cơ quan

			liên quan nêu trên. Do vậy, Dự thảo Thông tư lấy căn cứ là Nghị định số 09/2019/NĐ-CP.
Điều 1	Đề nghị quy định phạm vi điều chỉnh của Thông tư theo hướng quy định về các loại báo cáo (đã bao gồm báo cáo định kỳ và báo cáo chuyên đề), nội dung, trình tự, thủ tục thực hiện báo cáo, cơ quan, đơn vị gửi, nhận báo cáo.	Vụ PC	Tiếp thu
Điều 1	(1) Bỏ cụm từ "quý, 6 tháng"; (2) bỏ cụm từ "trong giai đoạn nhất định"; bỏ mục (3).	Vụ KH	Báo cáo quý, 6 tháng là báo cáo định kỳ được kế thừa từ Thông tư số 41/2013/TT-BCT và hiện nay lực lượng QLTT vẫn thực hiện. Báo cáo chuyên đề (kiểm tra, xử lý hành vi vi phạm trong kinh doanh một hoặc một số mặt hàng/lĩnh vực/nhóm hành vi nhất định) được thực hiện thông qua chỉ đạo của cơ quan cấp trên trong một giai đoạn nhất định, đây cũng là công việc thực tiễn của lực lượng QLTT.
Điều 1	Nội dung *"Thông tư này ..... của Quản lý thị trường bao gồm"* đề nghị điều chỉnh thành *" Thông tư này.... của lực lượng Quản lý thị trường bao gồm".*	Đắk Lắk	Tiếp thu (đảm báo thống nhất với tên của Thông tư)
Điều 1	Quy định về chế độ báo cáo gồm 02 loại *"báo cáo định kỳ, báo cáo chuyên đề"* đề nghị điều chỉnh thành 03 loại là " báo cáo định kỳ, báo cáo chuyên đề, báo cáo khác".	Đắk Lắk	Báo cáo đột xuất hoặc báo cáo khác theo lĩnh vực quản lý riêng và theo yêu cầu riêng của cơ quan có thẩm quyền, vì vậy xin giữ nguyên như dự thảo Thông tư
Khoản 2, Điều 2	Nội dung " *Công chức.....định kỳ, chuyên đề"* đề nghị điều chỉnh thành *" Công chức.... định kỳ, chuyên đề và báo cáo khác".*	Đắk Lắk	
Khoản 2 Điều 2	"*2. Công chức Quản lý thị trường được cấp có thẩm quyền giao tham gia thực hiện công tác báo cáo định kỳ, chuyên đề.*" đề nghị bỏ từ "tham gia" và sửa lại thành "*2. Công chức Quản lý thị trường được cấp có thẩm quyền giao thực hiện công tác báo cáo định kỳ, chuyên đề.*"	Quảng Bình	Thông tin báo cáo có thể liên quan đến nhiều bộ phận/công chức khác nhau để cung cấp thông tin, do vậy, xin giữ nguyên như dự thảo Thông tư.

Khoản 3, Điều 2	Đề nghị bỏ vì Thông tư này quy định chế độ báo cáo của lực lượng Quản lý thị trường	Đắk Lắk	Dự thảo Thông tư quy định chế độ báo cáo của lực lượng QLTT. Tuy nhiên, về thông tin và chế độ báo cáo, lực lượng QLTT không chỉ thực hiện trong nội bộ mà có thể phải thực hiện theo yêu cầu của nhiều cơ quan khác như: chính quyền địa phương, các ngành khác (tư pháp, thanh tra, tài chính…), các ban chỉ đạo liên ngành, do vậy, xin giữ nguyên như dự thảo Thông tư
Điều 4	Đề nghị bỏ Điểm c, d, đ, g.	Vụ KH	Báo cáo quý, 6 tháng là báo cáo định kỳ được kế thừa từ Thông tư số 41/2013/TT-BCT và hiện nay lực lượng QLTT vẫn thực hiện. Báo cáo chuyên đề (kiểm tra, xử lý hành vi vi phạm trong kinh doanh một hoặc một số mặt hàng/lĩnh vực/nhóm hành vi nhất định) được thực hiện thông qua chỉ đạo của cơ quan cấp trên trong một giai đoạn nhất định, đây cũng là công việc thực tiễn của lực lượng QLTT.
Điều 4	Đề nghị không phân ra Báo cáo quý I và Báo cáo quý III mà chỉ quy định là báo cáo định kỳ hằng quý theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.	Quảng Bình	Nội dung này dự thảo Thông tư kế thừa từ Thông tư số 41/2013/TT-BCT. Việc quy định rõ Quý I, Quý III với mục đích báo cáo 6 tháng và báo cáo năm thay cho Quý II và Quý IV. Điều này là hợp lý, tránh trường hợp, các đơn vị đã báo cáo 6 tháng/báo cáo năm vẫn phải báo cáo Quý II, Quý IV, do vậy, xin giữ nguyên như dự thảo Thông tư.
Điểm g, Khoản 1, Điều 4	Đề nghị bỏ, vì không có báo cáo định kỳ khác. Các báo cáo định kỳ phải theo quy định tại các mẫu báo cáo từ Phụ lục I đến Phụ lục V của dự thảo Thông tư này	Đắk Lắk Thái Nguyên	Các mẫu Báo cáo định kỳ quy định trong dự thảo Thông tư là báo cáo tổng hợp của lực lượng Quản lý thị trường. Tuy nhiên, thông tin của báo cáo có thể được sử dụng để thực hiện các báo cáo định kỳ theo lĩnh vực quản lý như: báo cáo theo dõi thi hành pháp luật, báo cáo các ban chỉ đạo liên ngành. Các báo cáo này cũng được quy định định kỳ, với thời gian chốt số liệu, thời gian thực hiện, phương thức gửi nhận riêng, do vậy, xin giữ nguyên như dự thảo Thông tư.
Khoản 3 vào Điều	Đề nghị bổ sung *"3. Báo cáo khác theo quy định của cơ quan ban hành chế độ báo cáo"*.	Đắk Lắk	Quy định báo cáo khác theo quy định của cơ quan ban hành chế độ báo cáo là quá rộng về phạm vi, nội dung của Thông

4			tư, do vậy, xin giữ nguyên như dự thảo Thông tư.
khoản 2 điều 5	Bổ sung thêm nội dung *"Đề cương báo cáo chuyên đề, có biểu mẫu báo cáo chuyên đề theo phụ lục VI"* (bổ sung thêm nội dung của đề cương báo cáo chuyên đề - phụ lục VI).	Yên Bái	Mẫu báo cáo chuyên đề được thực hiện theo tiêu chí của từng chuyên đề của cơ quan cấp trên giao, đây cũng là quy định kế thừa Thông tư số 41/2013/TT-BCT, do vậy, xin giữ nguyên như dự thảo Thông tư.
Điều 6	Đổi vị trí lên Điều 4. Thay từ "gửi" bằng cụm từ "báo cáo" trong các câu; sắp xếp lại trình tự báo cáo theo hướng từ Đội QLTT… Bộ Công Thương; sửa đổi phương thức gửi báo cáo *"Đơn vị báo cáo có thể sử dụng một trong các phương thức gửi báo cáo sau: Qua hệ thống quản lý văn bản điện tử; qua hệ thống thư điện tử; qua Hệ thống báo cáo điện tử; gửi trực tiếp; gửi qua dịch vụ bưu chính".*	Vụ KH	Bố cục của dự thảo Thông tư được thực hiện qua tham chiếu Nghị định số 09/2019/NĐ-CP, việc dùng từ "gửi, nhận" thay vì cụm từ "báo cáo" nhằm phân biệt báo cáo là danh từ thay vì động từ, do vậy, xin giữ nguyên như dự thảo Thông tư.
Khoản 1 Điều 6	Dòng thứ 30 từ trên xuống, đề nghị thay dấu chấm phẩy ";" thành dấu chấm "." ở cuối câu	Đắk Lắk	Tiếp thu
Khoản 1 Điều 6	+ Đối với từng mục quy định phải thêm vào điểm a,b,c,… + Đề nghị tách riêng "Phòng Nghiệp vụ thuộc Cục Nghiệp vụ Quản lý thị trường; Đội Quản lý thị trường báo cáo bằng văn bản…." như sau: ++ Phòng Nghiệp vụ thuộc Cục Nghiệp vụ Quản lý thị trường gửi báo cáo và các phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này về cho Cục Nghiệp vụ Quản lý thị trường. ++ Đội Quản lý thị trường gửi báo cáo và các phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này về cho Cục Quản lý thị trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	TPHCM	Tiếp thu
Khoản 2 Điều 6	Đã quy định phương thức gửi, nhận báo cáo nênkhông đưa phương thức này lồng ghép trong khoản 1 điều này nữa.	TPHCM	Khoản 1 quy định cơ quan đơn vị gửi, nhận báo cáo qua một số phương thức phổ biến, trong điều kiện bình thường và chủ yếu trong nội bộ của lực lượng QLTT. Tuy nhiên, cần quy

			định thêm các phương thức gửi nhận, tùy theo thực tiễn áp dụng, yêu cầu của các cơ quan bên ngoài lực lượng, do vậy, xin giữ nguyên như dự thảo Thông tư.
Điều 7	Sắp xếp câu gọn gàng (ví dụ: "Báo cáo định kỳ hàng tuần" thay bằng "Báo cáo tuần"); thay cụm từ "Trình tự" bằng cụm từ "Quy định"; bỏ cụm từ "phải được hoàn thành" trong tất cả các Điểm.	Vụ KH	Tiếp thu
Điều 7	Khoản 4 Điều 25 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/07/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 97/2017/NĐ-CP) quy định về thời điểm lấy số liệu đối với báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính quy định: *"Thời điểm lấy số liệu đối với báo cáo 06 tháng tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 30 tháng 6 hàng năm; đối với báo cáo hàng năm tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm"* Điểm b khoản 1 Điều 3 Thông tư số 16/2018/TT-BTP ngày 14/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật quy định: *"Thời gian lấy số liệu đối với báo cáo định kỳ 06 tháng và báo cáo định kỳ hàng năm thực hiện theo quy định của Chính phủ về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước"* Theo đó, khoản 3, khoản 4 Điều 12 Nghị định số	Vụ PC	Về bản chất, đối với lực lượng thực thi pháp luật như lực lượng Quản lý thị trường, mục tiêu và nội dung cơ bản của báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính đều có tính tương đồng về tình hình kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính. Do vậy, việc quy định thời điểm chốt số liệu báo cáo theo Nghị định 09/2019/NĐ-CP đảm bảo thời hạn của đa số yêu cầu các cơ quan liên quan tiếp nhận báo cáo của lực lượng Quản lý thị trường và đảm bảo nguyên tắc áp dụng của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Khoản 3 Điều 156). Bên cạnh đó, Dự thảo Thông tư cũng đã có quy định trường hợp báo cáo định kỳ có sự khác biệt về thời điểm chốt số liệu và phương thức báo cáo thì thực hiện theo quy định của cơ quan yêu cầu báo cáo. Đồng thời, sau khi áp dụng chế độ báo cáo điện tử, chậm nhất trong vòng 24h, các số liệu sẽ được xử lý và kết xuất. Do vậy, xin giữ nguyên như dự thảo Thông tư.

	09/2019/NĐ-CP quy định: *"3. Báo cáo định kỳ 6 tháng: Thời gian chốt số liệu 6 tháng đầu năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo. Thời gian chốt số liệu 6 tháng cuối năm được tính từ ngày 15 tháng 6 đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.* *4. Báo cáo định kỳ hằng năm: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo."* Vụ Pháp chế nhận thấy, có sự khác nhau về thời điểm chốt số liệu đối với với báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, ảnh hưởng đối với thời gian chốt số liệu báo cáo định kỳ được quy định tại Thông tư. Theo nguyên tắc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 2 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015: *"Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn."*. Do vậy, trong trường hợp này, cần áp dụng thời điểm chốt số liệu đối với các nội dung được yêu cầu theo báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính quy định tại Nghị định số 81/2013/NĐ-CP. Tuy nhiên, Nghị định số 81/2013/NĐ-CP đang trong quá trình được sửa đổi, bổ sung nhằm thực hiện Luật Xử lý vi phạm hành chính, thời điểm chốt số liệu báo cáo có thể được thay đổi. Do vậy, để đảm bảo không có sự chồng lấn, mâu thuẫn giữa các văn bản quy phạm pháp luật khác nhau, đề nghị nghiên cứu,		

	quy định về thời điểm chốt số liệu đối với báo cáo định kỳ 6 tháng, hằng năm có nội dung liên quan đến báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo hướng thực hiện theo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.		
Tờ trình	Tại dự thảo Tờ trình, Vụ Pháp chế nhận thấy Tờ trình có nêu về việc thực hiện công tác báo cáo với Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Ban Chỉ đạo 389, Ban Chỉ đạo 138, tuy nhiên, tại dự thảo Thông tư chưa thể hiện các yêu cầu, nội dung để phục vụ công tác báo cáo này. Do vậy, đề nghị rà soát, sửa đổi, bổ sung các nội dung yêu cầu báo cáo, tiến độ, thời gian chốt số liệu để đảm bảo đáp ứng, phục vụ được cho công tác báo cáo các Bộ, Ban chỉ đạo yêu cầu.	Vụ PC	
Điều 7	Đề nghị xem lại trật tự các khoản cho phù hợp, đảm bảo dễ áp dụng.	Thái Nguyên	Tiếp thu
Điều 7	- Xem lại kết cấu điểm, khoản của Điều 7 của dự thảo Thông tư: Có 2 khoản 1 và khoản 2; do đó sửa lại kết cấu Điều 7 như sau: - Tại 1 trong khoản 2 Điều 7, sửa thành điểm a khoản 2 của Điều 7. Tại các điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ tại 1 trong khoản 2 Điều 7 sửa lại không để các điểm a, b, c, d, đ mà để gạch đầu dòng. - Tại 2 trong khoản 2 Điều 7, sửa thành điểm b khoản 2 của Điều 7. Tại các điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ tại 2 trong khoản 2 Điều 7 sửa lại không để các điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ mà để gạch đầu dòng. - Tại 3 và 4 trong khoản 2 Điều 7, sửa thành điểm d và điểm đ của khoản 2 Điều 7. - Tại 2 trong khoản 2 Điều 7, bỏ cụm từ " Phòng Nghiệp vụ	Yên Bái	Tiếp thu một phần. Đối với các Phòng Nghiệp vụ thuộc Cục Nghiệp vụ và các Đội Quản lý thị trường thực tế không cần quy định sớm hơn và tách riêng, bởi lẽ các số liệu và báo cáo chủ yếu thực hiện qua phương thức điện tử.

	thuộc Cục Nghiệp vụ Quản lý thị trường; Đội Quản lý thị trường". - Bổ sung thêm điểm c mới của khoản 2 Điều 7 như sau: "c. Phòng nghiệp vụ thuộc Cục Nghiệp vụ Quản lý thị trường; Đội quản lý thị trường, tổng hợp và thực hiện gửi báo cáo định kỳ quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm đ, điểm đ, điểm e khoản 1 Điều 4 Thông tư này như sau: - Báo cáo tuần phải được hoàn thành và gửi đi trong ngày thứ Năm hàng tuần; - Báo cáo tháng phải hoàn thành và gửi đi trong ngày 17 hàng tháng; - Báo cáo quý phải hoàn thành và gửi đi trong ngày 17 tháng cuối quý; - Báo cáo 6 tháng phải hoàn thành và gửi đi trong ngày 17 tháng 6; - Báo cáo năm tháng phải hoàn thành và gửi đi trong ngày 17 tháng 12;		
Điểm a Khoản 1 Điều 7	Đề xuất sửa đổi "Báo cáo định kỳ hàng tuần tính từ thứ năm tuần trước đến hết ngày thứ tư tuần kỳ bào cáo"	Hậu Giang	Tiếp thu
Điểm a khoản 1 Điều 7	"a) Báo cáo định kỳ hằng tuần tính từ thứ năm tuần trước đến thứ năm tuần kỳ báo cáo;" đề nghị sửa lại thành "a) Báo cáo định kỳ hằng tuần tính từ thứ năm tuần trước đến thứ tư tuần kỳ báo cáo;"	Quảng Bình	
Điểm a, Khoản 1,	"Báo cáo định kỳ hằng tuần tính từ thứ năm tuần trước đến thứ năm tuần kỳ báo cáo" nên sửa lại *là "Báo cáo định kỳ*	Lào Cai	

Điều 7	*hằng tuần tính từ thứ năm tuần trước đến hết ngày thứ tư tuần kỳ báo cáo"*. Vì thời hạn Cục QLTT các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phải hoàn thành và gửi báo cáo trong ngày thứ năm hàng tuần. Cần phải dành một khoảng thời gian để bộ phận tổng hợp và hoàn thành báo cáo gửi đi cho phù hợp.		
Điểm b khoản 1 Điều 7	Quy định "Báo cáo định kỳ hằng tháng, hằng quý, 06 tháng, hằng năm thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước". Đề nghị nên quy định rõ thời gian thực hiện để dễ nghiên cứu, áp dụng (nếu để trích dẫn Nghị định 09/2019/NĐ-CP thì khi nghiên cứu thông tư phải xem lại Nghị định).	Hà Tĩnh	Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quy định chi tiết/hướng dẫn thi hành không quy định lại văn bản cấp trên, do vậy, xin giữ nguyên như dự thảo Thông tư.
Khoản 2 Điều 7	"*Thời hạn gửi báo cáo trong chế độ báo cáo định kỳ, chuyên đề"* đề nghị điều chỉnh lại bố cục cho phù hợp	Cần Thơ	Tiếp thu
Khoản 2 Điều 7	Dự thảo Thông tư quy định thời hạn gửi báo cáo trong chế độ báo cáo định kỳ, chuyên đề của Cục Nghiệp vụ Quản lý thị trường, Cục Quản lý thị trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Nghiệp vụ thuộc Cục Nghiệp vụ Quản lý thị trường; Đội Quản lý thị trường tổng hợp và thực hiện gửi báo cáo định kỳ quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e khoản 1 Điều 4 Thông tư này như sau: a) Báo cáo tuần phải hoàn thành và gửi đi trong ngày thứ Năm hàng tuần; b) Báo cáo tháng phải hoàn thành và gửi đi trong ngày 20 hàng tháng; c) Báo cáo quý phải hoàn thành và gửi đi trong ngày 20	Tiền Giang	Đối với các Phòng Nghiệp vụ thuộc Cục Nghiệp vụ và các Đội Quản lý thị trường thực tế không cần quy định sớm hơn và tách riêng, bởi lẽ các số liệu và báo cáo chủ yếu thực hiện qua phương thức điện tử, do vậy, xin giữ nguyên như dự thảo Thông tư

	tháng cuối quý; d) Báo cáo 6 tháng phải được hoàn thành và gửi đi trong ngày 20 tháng 6; đ) Báo cáo năm phải được hoàn thành và gửi đi trong ngày 20 tháng 12; Để Phòng Nghiệp vụ thuộc Cục Quản lý thị trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Nghiệp vụ thuộc Cục Nghiệp vụ Quản lý thị trường có thời gian để tổng hợp và báo cáo Tổng cục đúng thời gian quy định. Đề nghị quy định riêng thời hạn gửi các báo cáo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e khoản 1 Điều 4 đối với Đội Quản lý thị trường, cụ thể: a) Báo cáo tuần phải hoàn thành và gửi đi trong ngày thứ Ba hàng tuần; b) Báo cáo tháng phải hoàn thành và gửi đi trước ngày 15 hàng tháng; c) Báo cáo quý phải hoàn thành và gửi đi trước ngày 15 tháng cuối quý; d) Báo cáo 6 tháng phải hoàn thành và gửi đi trước ngày 15 tháng 6; đ) Báo cáo năm phải hoàn thành và gửi đi trước 15 tháng 12.		
Khoản 2 Điều 7	Đề nghị tách thành Khoản 2 và Khoản 3 Điều 7. Lí do: Theo quy định tại dự thảo Thông tư này thời gian gửi báo cáo của Cục QLTT và thời gian gửi báo cáo của Đội QLTT trực thuộc không được phân định, không có độ chênh về thời hạn hoàn thành và gửi báo cáo, sẽ gây khó khăn cho việc tổng hợp và báo cáo tại cấp Cục QLTT.	Thái Nguyên	Đối với các Phòng Nghiệp vụ thuộc Cục Nghiệp vụ và các Đội Quản lý thị trường thực tế không cần quy định sớm hơn và tách riêng, bởi lẽ các số liệu và báo cáo chủ yếu thực hiện qua phương thức điện tử, do vậy, xin giữ nguyên như dự thảo Thông tư

Khoản 2 Điều 7	Đề nghị bổ sung quy định thời gian các Đội QLTT báo cáo về Cục QLTT	Hà Tĩnh	Đối với các Phòng Nghiệp vụ thuộc Cục Nghiệp vụ và các Đội Quản lý thị trường thực tế không cần quy định sớm hơn và tách riêng, bởi lẽ các số liệu và báo cáo chủ yếu thực hiện qua phương thức điện tử, do vậy, xin giữ nguyên như dự thảo Thông tư
Điểm 1, Khoản 2, Điều 7	Dòng thứ 29 từ trên xuống, đề nghị thay dấu chấm phẩy ";" thành dấu chấm "." ở cuối câu	Đắk Lắk	Tiếp thu
Điểm 2, Khoản 2, Điều 7	Dòng thứ 8 từ trên xuống đề nghị thay dấu chấm phẩy ";" thành dấu chấm "." ở cuối câu	Đắk Lắk	Tiếp thu
Khoản 2 Điều 7	Xem xét và quy định các điểm thành a, b, c (hiện các điểm đang quy định 1, 2, 3 dễ gây hiểu nhầm là các khoản).	Hà Tĩnh	Tiếp thu
Khoản 1, điều 8	Dòng thứ 2, từ trên xuống bỏ từ "Cục" trong cụm từ " Tổng cục trưởng Tổng cục Cục Quản lý thị trường" thành " Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường"	Yên Bái	Tiếp thu
Điều 9	Bổ sung quyền và trách nhiệm của đơn vị báo cáo và đơn vị nhận báo cáo.	Vụ KH	Nội dung đã được lồng ghép tại Điều 9 dự thảo Thông tư
Nơi nhận văn bản	Đề nghị xem xét nội dung *"Văn phòng Tổng Bí thư"* hay *"Văn phòng Trung ương Đảng"*.	Đắk Lắk	
Tại điểm 1.2 khoản 1 Mục II của Phụ lục V	Dự thảo Thông tư có ghi: *"1.2. Kết quả kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính năm 2020"*.Đề nghị bỏ "2020". Lý do, Phụ lục xây dựng áp dụng cho tất cả các năm chứ không riêng năm 2020	Đắk Lắk	Tiếp thu

Các Phụ lục	Phần số liệu các chỉ tiêu nên theo dạng bảng, biểu (ví dụ: số vụ kiểm tra, số vụ vi phạm, số tiền phạt vi phạm,… và phân tổ theo các hoạt động vi phạm (hàng giả, hàng kém chất lượng, …) tham khảo Thông tư số 41/2016/TT-BCT ngày 30/12/2016 quy định Chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Phần đánh giá kết quả và phương hướng nhiệm vụ theo đề cương đi kèm báo cáo; xem xét tính khả thi khi thực hiện chế độ báo cáo này, đặc biệt là kỳ báo cáo tuần.	Vụ KH	Dự thảo Thông tư quy định báo cáo định kỳ, không quy định chế độ thống kê nên không căn cứ Luật Thống kê năm 2015. Số liệu của báo cáo được thực hiện trên cơ sở yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. Các số liệu liên qua đến các chỉ số thống kê được thực hiện theo Thông tư số 41/2016/TT-BCT ngày 30/12/2016 của Bộ Công Thương về công tác thống kê ngành công thương, do vậy, xin giữ nguyên như Dự thảo Thông tư.
Phụ lục I	"BÁO CÁO CÔNG TÁC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TUẦN….", phần "III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ" nên bỏ cụm từ "PHƯƠNG HƯỚNG" mà chỉ nên quy định là "*III. NHIỆM VỤ TUẦN TIẾP THEO*". Bởi vì nhiệm vụ công tác tuần có thời gian ngắn, do vậy không cần thiết phải quy định là Phương hướng.	Lào Cai	Tiếp thu
Phụ lục II	"BÁO CÁO CÔNG TÁC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG THÁNG….", phần III có mục "dự báo tình hình thời gian tới" là chưa phù hợp. Vì một tháng là khoảng thời gian ngắn, chưa đủ nhiều thông tin để có thể dự báo được tình hình thị trường. Nên để mục "dự báo tình hình thời gian tới" trong các báo cáo quý, 6 tháng, năm.	Lào Cai	Tiếp thu
Phụ lục II, III, IV	Đề nghị ghi cụ thể đề mục của kết cấu báo cáo tại mục II, bổ sung mục 1, 2, 3, 4..., và có tên gọi cụ thể cho các mục này; Tại mục V chuyển nội dung "phụ lục: Những vụ việc điển hình" đưa vào mục II.	Yên Bái	Tiếp thu một phần
Phụ lục II	Bổ sung thêm nội dung vào mục IV " phương hướng, nhiệm vụ và biện pháp trong tháng tiếp theo".	Yên Bái	Tiếp thu

Phụ lục IV, V	Để thực hiện tốt các Thỏa thuận quy định về thực hiện Quy chế phối hợp công tác giữa các Cục Quản lý thị trường khu vực. Đề nghị bổ sung kết quả hỗ trợ, phối hợp với Cục Quản lý thị trường các tỉnh vào mục II hoạt động của đơn vị và kết quả đạt được của Phụ lục IV, V kèm theo dự thảo Thông tư.	Tiền Giang	Tiếp thu
Mục 1.2.1 Phụ lục V	Đề nghị trong báo cáo tháng, quý, 6 tháng cũng có các nội dung này để thuận lợi cho công tác tổng hợp báo cáo năm	Gia Lai	Tiếp thu
Ý kiến khác	Đối với chế độ báo cáo, theo quy định của Luật Thống kê năm 2015, Tổng cục Quản lý thị trường cần phải lấy ý kiến thẩm định của Tổng cục Thống kê.	Vụ KH	Dự thảo Thông tư quy định báo cáo định kỳ, không quy định chế độ thống kê nên không căn cứ Luật Thống kê năm 2015. Số liệu của báo cáo được thực hiện trên cơ sở yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. Các số liệu liên qua đến các chỉ số thống kê được thực hiện theo Thông tư số 41/2016/TT-BCT ngày 30/12/2016 của Bộ Công Thương về công tác thống kê ngành công thương
Ý kiến khác	Về mẫu báo cáo năm Tại phần c mục 1.2.1 Kết quả chung công tác kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính trong năm: Đối với trị giá hàng tịch thu đã tiêu hủy nên đưa lên phần b thuộc mục này vì đây là kết quả đã xử lý xong, nếu cần thiết có thể so sánh (%) với cùng kỳ năm trước. Tại phần II mục 3 về Công tác phối hợp phối hợp giữa các lực lượng, sở, ban, ngành: thừa chữ "phối hợp".	TPHCM	Tiếp thu
Ý kiến khác	1. Tại Khoản 2 Điều 7 của Dự thảo Thông tư có quy định về thời hạn nộp báo cáo của các Đội Quản lý thị trường là đơn vị trực thuộc Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh, thành	Đắk Lắk	Đối với các Phòng Nghiệp vụ thuộc Cục Nghiệp vụ và các Đội Quản lý thị trường thực tế không cần quy định sớm hơn và tách riêng, bởi lẽ các số liệu và báo cáo chủ yếu thực hiện

	phố trực thuộc Trung ương nhưng thời gian nộp báo cáo định kỳ là cùng một thời điểm. Như vậy, đơn vị tổng hợp báo cáo cấp Cục sẽ gặp nhiều khó khăn để tổng hợp số liệu báo cáo kịp thời theo thời gian quy định. Đề nghị: Cần phân tách, quy định cụ thể thời gian nộp báo cáo định kỳ của các đơn vị cấp dưới để các đơn vị cấp trên trực tiếp có thời gian để tổng hợp kịp thời. Ví dụ như, Tại Điều 12 Nghi định số 09/2019/NĐ-CP có quy định thời gian chốt số liệu là ngày 14 hàng tháng, như vậy có thể quy định các Đội nộp báo cáo về Cục trước ngày 18 hàng tháng để Cục tổng hợp. 2. Đề nghị bổ sung thêm hệ thống Biểu mẫu số liệu kèm theo Báo cáo. Cụ thể tại Thông tư số 41/2013/TT-BCT ngày 31/12/2013 của Bộ Công Thương quy định chế độ báo cáo của Quản lý thị trường, mặc dù có nhắc tới việc số liệu in ra từ hệ thống điện tử của lực lượng nhưng vẫn ban hành kèm theo Hệ thống biểu mẫu để tổng hợp số liệu thống nhất toàn lực lượng. Tại Dự thảo thông tư thay thế Thông tư số 41/2013/TT-BCT thì không còn Hệ thống biểu mẫu nêu trên. Đơn vị soạn thảo cần xây dựng hệ thống Biểu mẫu tổng hợp số liệu, trong đó có hướng dẫn cụ thể phương pháp tổng hợp đối với từng mục của bảng biểu số liệu. Vì trong thực tế khi triển khai thực hiện theo Thông tư số 41/2013/TT-BCT tuy đã có Biểu mẫu chi tiết về từng nội dung cần tổng hợp nhưng vẫn gặp nhiều khó khăn khi thực hiện, ví dụ như: Hệ thống Biểu mẫu có phân loại nhóm hành vi là "Vi phạm trong kinh doanh" và "An toàn thực phẩm", đây là bất cập trong công tác tổng hợp, vì khái niệm "vi phạm trong kinh doanh" rất rộng, bao trùm cả những những nhóm hành vi khác, chẳng hạn như vi phạm trong kinh doanh còn có thể là vi phạm các quy định về điều kiện kinh doanh, kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn		qua phương thức điện tử, do vậy, xin giữ nguyên như dự thảo Thông tư. Đối với biểu mẫu số liệu, Dự thảo Thông tư giao Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường quy định thống nhất về về tiêu chuẩn kỹ thuật; tiêu chí cụ thể hệ thống bảng biểu số liệu tổng hợp, chuyên đề và hệ thống dữ liệu điện tử liên quan đến công tác kiểm tra, thanh tra chuyên ngành, xử lý vi phạm hành chính; thời gian cập nhật dữ liệu, kết chuyển số liệu kỳ báo cáo điện tử. Thực tiễn cho thấy công tác tổng hợp, phân tích các loại số liệu về công tác quản lý thị trường là rất phức tạp và tốn nhiều công sức như: số liệu vụ việc kiểm tra, xử lý, hành vi vi phạm hành chính; số liệu phân loại nhóm hành vi vi phạm;, số tiền thu phạt, số liệu quản lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu, số liệu quản lý địa bàn, số liệu lượng hoá hàng hoá vi phạm, số lượng vụ việc chuyển khởi tố vụ án hình sự…Do vậy, căn cứ kết quả ứng dụng công nghệ thông tin trong thời gian quan, nhất là phần mềm kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính, việc xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử và trích xuất số liệu là hoàn toàn khả thi. Việc dự thảo Thông tư giao thẩm quyền cho Tổng cục trưởng đảm bảo tính thuận lợi, linh hoạt trong áp dụng phần mềm và sự thay đổi trong công tác tổng hợp số liệu trong thực tiễn, vì quy định về nhóm hành vi vi phạm có thể thay đổi, xuất hiện quy định mới về hành vi vi phạm hoặc nhóm mặt hàng được dư luận xã hội quan tâm tuỳ thời điểm.

	gốc xuất xứ, kinh doanh hàng hóa nhập lậu, hàng giả… Trong khi đó, "An toàn thực phẩm" lại liên quan đến các hành vi vi phạm với hàng hóa (tang vật vi phạm) thuộc nhóm thực phẩm, do đó khi phát hiện những hành vi như kinh doanh thực phẩm nhập lậu thì khó phân loại hành vi đó vào nhóm hành vi "Hàng lậu" hay "An toàn thực phẩm", hoặc kinh doanh thực phẩm không rõ nguồn gốc xuất xứ thì khó phân loại vào "vi phạm trong kinh doanh" hay "an toàn thực phẩm". Trong trường hợp khác, khi không có Hệ thống Biểu mẫu tổng hợp thống nhất thì các Cục Quản lý thị trường xây dựng Biểu mẫu tổng hợp cho riêng từng Cục. Như vậy, trong thực tế đã xảy ra trường hợp, ngày 29/11/2019, Tổng cục Quản lý thị trường có công văn số 2497/TCQLTT-THKHTC về việc báo cáo tổng kết hoạt động năm 2019 và xây dựng kế hoạch nhiệm vụ năm 2020, trong đó yêu cầu các đơn vị Quản lý thị trường trực thuộc tổng hợp theo Phụ lục 1: Thống kê các vụ vi phạm năm 2019, trong phụ lục này có nhóm hành vi *"Không rõ nguồn gốc xuất xứ"*, trong khi đó Biểu mẫu kèm theo Thông tư số 41/2013/TT-BCT không có mục tổng hợp này. Như vậy, người tổng hợp đã phải rà soát lại hàng trăm báo cáo của các đơn vị cấp dưới gửi về Cục trong năm 2019 để tổng hợp lại chỉ riêng đối với mục *"Không rõ nguồn gốc xuất xứ"*. Như vậy, khi Dự thảo Thông tư có những quy định cụ thể, rõ ràng thì công tác tổng hợp sẽ thuận lợi và thống nhất.		
Ý kiến khác	Trong các đề cương Báo cáo Tháng, Quý, 6 tháng, Năm,mục III "Nhận định, đánh giá"có nội dung "Dự báo tình hình thời gian tới" và mục IV "Phương hướng nhiệm vụ"có nội dung "Dự báo các yếu tố có khả năng xảy ra tác động đến thị trường, hoạt động buôn lậu, sản xuất, kinh doanh hàng giả và gian lận thương mại". Như vậy có sự trùng lặp không cần thiết trong báo cáo.	Gia Lai	Tiếp thu

	- Hiện nay nội dung báo cáo chưa thể lấy toàn bộ trên hệ thống Cơ sở dữ liệu điện tử của Quản lý thị trường, vì vậy Cục vẫn cần nội dung báo cáo từ các Đội Quản lý thị trường, tuy nhiên trong Dự thảo thông tư không thể hiện nội dung báo cáo từ các Đội. Như vậy mỗi tỉnh thành sẽ phải có hướng dẫn riêng đối với báo cáo của Đội. Để thống nhất trong toàn lực lượng thì nên bổ sung thêm nội dung, trình tự, thủ tục thực hiện báo cáo của các Đội Quản lý thị trường.		Dự thảo Thông tư giao Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường quy định thống nhất về về tiêu chuẩn kỹ thuật; tiêu chí cụ thể hệ thống bảng biểu số liệu tổng hợp, chuyên đề và hệ thống dữ liệu điện tử liên quan đến công tác kiểm tra, thanh tra chuyên ngành, xử lý vi phạm hành chính; thời gian cập nhật dữ liệu, kết chuyển số liệu kỳ báo cáo điện tử.
Ý kiến khác	Đề nghị sắp xếp, điều chỉnh lại các khoản của Điều 7cho phù hợp (Điều 7 dự thảo Thông tư có 2 khoản 1 và 2 khoản 2	Hậu Giang	Tiếp thu